

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỊ XÃ THUẬN AN

ĐỀ ÔN TUYỂN SINH THAM KHẢO
NĂM HỌC 2018 – 2019
MÔN: NGỮ VĂN



Câu 1: (2điểm)

Cho câu thơ:

“Trăng cứ tròn vành vạnh”

- a/ Viết tiếp thêm 3 câu thơ để hoàn chỉnh một khổ thơ trong một bài thơ mà em đã học.
- b/ Khổ thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?
- c/ Trình bày ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng trong khổ thơ trên.

Câu 2: (1điểm)

- a/ Thế nào là cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp?
- b/ Đọc câu văn và thực hiện các yêu cầu:

Trong “Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Em hãy tìm lời dẫn trong câu văn trên và cho biết đó là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 3: (2điểm)

Em hãy viết 1 văn bản nghị luận (khoảng 10-15 dòng) nêu suy nghĩ của em về “lời xin lỗi”.

Câu 4: (5điểm)

Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh.

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (2đ)	a/ Viết tiếp thêm 3 câu thơ để hoàn chỉnh một khổ thơ trong một bài thơ mà em đã học. “Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình.”	0,5
	b/ Khổ thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai? - Tên tác phẩm: Ánh trăng - Tác giả: Nguyễn Duy	0,5
	c./ Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng trong khổ thơ: - Vầng trăng là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, nguyên vẹn; là vẻ đẹp bình dị và vĩnh hằng của đời sống tự nhiên. - Trăng còn là người bạn, nhân chứng nghĩa tình; nghiêm khắc nhưng bao dung độ lượng để nhắc nhở con người về một thái độ sống ân tình, thủy chung.	1,0
Câu 2 (1đ)	a. Thế nào là cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp? - Dẫn trực tiếp: là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép. - Dẫn gián tiếp: là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp; lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.	0,25 0,25
	b. Đọc câu văn và thực hiện các yêu cầu: Trong “Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.	
	Tìm lời dẫn trong câu văn trên và cho biết đó là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp? - Xác định lời dẫn: Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng. - Đây là cách dẫn gián tiếp.	0,25 0,25
Câu 3 (2đ)	Em hãy viết 1 văn bản nghị luận (khoảng 10-15 dòng) nêu suy nghĩ của em về “Lời xin lỗi”.	
	* Yêu cầu kĩ năng:	

	- Học sinh biết cách viết 1 đoạn văn nghị luận về 1 vấn đề tư tưởng đạo lí theo đúng yêu cầu của đề (khoảng mười lăm dòng có đủ 3 phần: nêu vấn đề, triển khai vấn đề, kết thúc vấn đề; các câu đảm bảo tính liên kết). - Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng.	
	* Yêu cầu kiến thức: học sinh có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo ý cơ bản sau	
	1. Nêu vấn đề: Xin lỗi là một trong những nguyên tắc ứng xử có văn hóa của mỗi người trong giao tiếp hàng ngày.	0,25
	2. Triển khai vấn đề: - Xin lỗi là việc bày tỏ thái độ, tình cảm của con người khi ý thức việc làm sai trái của mình gây ảnh hưởng không tốt, làm thiệt hại, buồn phiền đến người khác. - Trong cuộc sống, ai cũng có thể đôi lần phạm sai lầm nhưng điều quan trọng là bản thân thấy sai, nhận sai vừa sửa sai với thái độ chân thành, thái độ ấy biểu hiện qua lời xin lỗi. - Biết nhận lỗi và xin lỗi để từ đó nhân thức được cái đúng và cái sai giúp bản thân hoàn thiện hơn và tìm được thông cảm, tha thứ để con người hiểu và gần gũi nhau hơn. (Dẫn chứng) - Phê phán thái độ cố chấp, tự cao hoặc thiếu chân thành trong việc nhận lỗi.	1,5
	3. Kết thúc vấn đề: - Khẳng định lại vấn đề. - Nêu suy nghĩ, hành động của bản thân.	0,25
Câu 4 (5đ)	Đề: Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh.	
	* Yêu cầu kĩ năng: Hiểu đúng yêu cầu đề bài và vận dụng tốt kĩ năng làm bài phân tích về tác phẩm thơ, bài có kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả.	
	* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng làm bài cần có đảm bảo các ý cơ bản:	
	1. Mở bài: - Giới thiệu về mùa thu trong thi ca. - Giới thiệu về tác giả và giá trị tác phẩm.	0,5
	2. Thân bài: a. Nội dung: <i>* Cảm nhận của nhà thơ trước sự chuyển biến của đất trời lúc sang thu</i> - Tâm trạng bất ngờ nhận được tín hiệu của mùa thu: + Dấu hiệu đầu tiên làm nhà thơ bất ngờ (bỗng) khi nhận ra <i>huơng ổi</i> chín lan tỏa vào không gian (huơng ổi chín đồng nghĩa với mùa thu đã đi vào tiềm thức của nhà thơ). + Tiếp đến nhà thơ nhận ra tín hiệu chuyển mùa từ ngọn <i>gió se</i> đầu thu giăng mắc nhẹ nhàng, sương chuyển động chậm chậm đầu thôn ngõ xóm. + Đó là những dấu hiệu đặc trưng của mùa thu, song chưa thật rõ ràng, và lại quá bất ngờ nên tâm trạng nhà thơ còn ngờ ngợ, chưa chắc chắn trong nỗi hình như.	3,5

	-Tâm trạng ngỡ ngàng, bàng hoàng khi nhận ra mùa thu đã đến: +Nếu ở khổ thơ đầu, mùa thu chỉ là dự đoán trong nỗi hình như, thì ở khổ thơ thứ hai,nhà thơ nhận ra : thu đã đến thật rồi. +Biến chuyển trong không gian lúc sang thu được cảm nhận qua nhiều yếu tố , bằng nhiều giác quan và sự rung động tinh tế. +Thu có mặt khắp nơi với những đặc trưng cụ thể của dòng sông trôi một cách thanh thản(dềnh dàng), những cánh chim bắt đầu vội vã ở buổi hoàng hôn... +Cảm giác giao mùa được diễn tả một cách thú vị qua đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu,nắng cuối hạ vẫn còn nồng,còn sáng nhưng đã nhạt dần, trời đã bớt đi những tiếng sấm bắt ngờ cùng những cơn mưa rào mùa hạ. <i>*Những suy ngẫm mang tính triết lí về con người và cuộc đời:</i> -Hai dòng thơ cuối vừa có ý nghĩa tả thực, vừa có ý nghĩa biểu tượng, gợi nhiều liên tưởng. -Hình ảnh diễm tĩnh của hàng cây đứng tuổi trước sấm sét , bão dông lúc sang thu cũng chính là sự từng trải qua thăng trầm của cuộc đời, vững vàng hơn khi con người đã đứng tuổi.	
	b. Nghệ thuật: - Hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm, đặc sắc về thời điểm giao mùa hạ - thu ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. - Sáng tạo trong việc sử dụng từ ngữ (bồng, phả, hình như), phép nhân hóa (sương chùng chình, sông dềnh dàng), phép ẩn dụ (sấm , hàng cây đứng tuổi).	0,5
	3. Kết bài: - Bài thơ ngắn nhưng chứa đựng nhiều điều thú vị , bởi vì ,mỗi chữ , mỗi dòng đều phát hiện sự mới mẻ. Thể hiện tâm hồn nhạy cảm, tinh tế , một tài thơ đặc sắc. - Suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của bài thơ.	0,5

Câu 1: (2 điểm)

- a. Chép nguyên văn tám câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” bắt đầu từ câu: “Buồn trông cửa bể chiều hôm”.
- b. Cho biết trong đoạn thơ trên Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp nghệ thuật gì?

Câu 2: (1 điểm)

- a. Hàm ý là gì?
- b. Trong những câu thơ sau, câu nào mang hàm ý? Nêu rõ hàm ý đó:

“Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày”.

(Đồng chí – Chính Hữu)

Câu 3: (2 điểm)

Hiện tượng một số thanh thiếu niên hiện nay có thói quen ỷ lại người khác trong học tập và trong công việc. Hãy nêu ý kiến của em về hiện tượng đó.

Câu 4: (5 điểm)

Phân tích hai đoạn thơ trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải để thấy được tâm hồn tha thiết của nhà thơ tràn ngập niềm cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước:

“Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi, con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...”

(Thanh Hải – Mùa xuân nho nhỏ)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1: (2 điểm)	a. Chép nguyên văn tám câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” bắt đầu từ câu: “Buồn trông cửa bể chiều hôm”.	
	b. Cho biết trong đoạn thơ trên Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp nghệ thuật gì?	
	a. Chép đúng nguyên văn tám câu thơ trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, không có sai sót về từ ngữ, chính tả. b. Trong đoạn thơ trên Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.	(1 điểm) (1 điểm)
Câu 2: (1 điểm)	a. Hàm ý là gì?	
	b. Trong những câu thơ sau, câu nào mang hàm ý? Nêu rõ hàm ý đó:	
	“ Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày”. (Đồng chí – Chính Hữu)	
	a. Hàm ý: Là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.	(0.5 điểm)
	b. – Câu mang hàm ý: Miệng cười buốt giá	(0.25điểm)
	- Hàm ý : Gợi hình ảnh những người lính cùng nhau chịu đựng gian khổ và họ vẫn tỏ ra lạc quan để động viên nhau vượt qua khó khăn.	(0.25 điểm)
Câu 3: (2điểm)	Hiện tượng một số thanh thiếu niên hiện nay có thói quen ỷ lại người khác trong học tập và trong công việc. Hãy nêu ý kiến của em về hiện tượng đó.	
	* Yêu cầu về kỹ năng: - Học sinh biết cách viết một văn bản nghị luận có đủ ba phần: Nêu vấn đề, triển khai vấn đề, kết thúc vấn đề.	

	- Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả; chữ viết rõ ràng. * Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện sự suy nghĩ của bản thân về thói quen ỷ lại vào người khác. a. Nêu vấn đề: - Giới thiệu hiện tượng thanh niên ngày nay có thói quen ỷ lại người khác. - Ỡ lại vào người khác là một thói quen xấu. b. Triển khai vấn đề: - Giải thích: Thói quen ỷ lại là gì?(là dựa dẫm vào người khác, không có ý thức tự giác chủ động giải quyết những công việc của bản thân). - Những biểu hiện của thói quen ỷ lại: + Không biết nỗ lực phấn đấu. + Chỉ trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác: ở trường lớp, ở gia đình,... - Nguyên nhân: + Lười biếng, thiếu trách nhiệm. + Hình thành những thói quen xấu. + Sống vô trách nhiệm, thiếu tự giác. + Không có tính độc lập, tự chủ. + Không có kĩ năng giải quyết mọi công việc trong cuộc sống. - Bị coi thường, lên án. - Hướng khắc phục:: Rèn luyện tính độc lập, tự chủ. c. Kết thúc vấn đề: - Khẳng định lại vấn đề. -Liên hệ bản thân.	(0.25 điểm) (1.5 điểm) (0.25 điểm)
--	---	--

Câu 4: (5điểm)	Phân tích hai đoạn thơ trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải để thấy được tâm hồn tha thiết của nhà thơ tràn ngập niềm cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước: “ Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc Ơi, con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng. Mùa xuân người cầm súng Lộc giắt đầy trên lưng Mùa xuân người ra đồng Lộc trải dài nương mạ Tất cả như hối hả Tất cả như xôn xao...” (Thanh Hải – Mùa xuân nho nhỏ)	
	* Yêu cầu về kỹ năng: Hiểu đúng yêu cầu của đề bài và vận dụng tốt kỹ năng làm bài nghị luận văn học về đoạn thơ; kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả. * Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản. <u>1. Mở bài:</u> - Giới thiệu nhà thơ Thanh Hải, hoàn cảnh ra đời của bài thơ Mùa xuân nho nhỏ. - Nêu vấn đề: Tâm hồn tha thiết của nhà thơ tràn ngập niềm cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước. - Trích dẫn hai khổ thơ. <u>2. Thân bài:</u> a. Mạch cảm xúc của bài thơ: Mạch cảm xúc được khơi nguồn từ vẻ đẹp mùa xuân thiên nhiên mở rộng ra với mùa xuân của đất nước và cảm xúc lắng đọng vào suy tư, ước nguyện. b. Phân tích: * Bức tranh thiên nhiên được cảm nhận bằng những hình ảnh đầy sắc xuân của thiên nhiên, đất trời. - Đảo ngữ và động từ “ Mọc” ở đầu câu tạo sức sống cho mùa xuân. - Các hình ảnh thơ: Dòng sông xanh, bông hoa tím,... tạo nên sắc xuân tươi đẹp. - Âm thanh tiếng chim chiền chiện thể hiện cái nhìn trìu mến với cảnh vật. - Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác : Từng giọt...hứng”	(0.5 điểm) (0.5 điểm) (1.5 điểm)

	-> Cảm xúc say sưa, ngây ngất trước cảnh đất trời vào xuân thể hiện tấm lòng thiết tha yêu cuộc sống của người cách mạng. * Mùa xuân của đất nước, con người. - Cấu trúc sóng đôi “ Mùa xuân...ra đồng” và điệp từ : “ Lộc” khắc họa hai nhiệm vụ không thể tách rời: chiến đấu bảo vệ đất nước và lao động dựng xây đất nước. - Từ láy “hối hả”, “ xôn xao” và nhịp thơ nhanh gợi tả khí thế tung bừng của quê hương, đất nước sau ngày giải phóng. ->Thể hiện niềm tin, niềm tự hào vào tương lai tươi sáng của đất nước.	(1.5 điểm)
	c. Đánh giá chung: - Thể thơ năm chữ, lời thơ giản dị, hình ảnh thơ tự nhiên. - Giọng thơ phù hợp cảm xúc của nhà thơ.	(0.5 điểm)
	<u>3. Kết bài:</u> - Nhà thơ Thanh Hải đã góp phần tạo nên một sắc xuân nhẹ nhàng bằng tình cảm thiết tha yêu cuộc sống. - Nêu suy nghĩ của bản thân.	(0.5 điểm)

IV. Đề kiểm tra:

Câu 1 (2.0 điểm)

Cho đoạn văn sau:

"... Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ..."

- Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?
- Em hiểu như thế nào về nhan đề của truyện?
- Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Việc lựa chọn ngôi kể ấy có tác dụng gì?
- Qua ba nhân vật trong truyện, em cảm nhận như thế nào về tuổi trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ?

Câu 2 (1.0 điểm)

Chú ý những từ in nghiêng trong các câu sau:

- Những chiếc giỏ xe chở đầy *hoa* phượng.
- Thềm *hoa* một bước, lệ *hoa* mấy hàng.
- Tên riêng bao giờ cũng được viết *hoa*.

- Chỉ ra từ nào dùng nghĩa gốc, từ nào dùng nghĩa chuyển?
- Nghĩa chuyển của từ "*lệ hoa*" là gì?

Câu 3 (2.0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn ngắn (Khoảng 15-20 dòng giấy thi) nêu lên vai trò của tuổi trẻ trong xã hội.

Câu 4: (5 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

(Viễn Phương - "Viếng lăng Bác")

Hướng dẫn chấm và thang điểm:

Câu 1 : (2 điểm)

a. - Đoạn văn trên trích từ văn bản " Những ngôi sao xa xôi" (0,25đ)

- Tác giả : Lê Minh Khuê (0,25đ)

b. Giải thích nhan đề:

- Nhan đề *Những ngôi sao xa xôi* mang ý nghĩa ẩn dụ. Hình ảnh Những ngôi sao gợi liên tưởng về những tâm hồn hồn nhiên đầy mơ mộng và lãng mạn của ba nữ thanh niên xung phong trẻ tuổi chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn, trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Những nữ thanh niên xung phong như những ngôi sao xa xôi toả ánh sáng lấp lánh trên bầu trời.

c. - Ngôi kể thứ nhất (0,25đ)

- Tác dụng của ngôi kể: Tạo nên tính thuyết phục vì người kể chuyện là người chứng kiến, tham gia vào câu chuyện. Đồng thời miêu tả diễn biến tâm lí, tình cảm của nhân vật một cách tự nhiên chân thực. Tạo mối quan hệ gần gũi thân mật giữa người kể và người đọc: dễ dàng chuyển tải được nội dung tác phẩm đến người tiếp nhận.

(0,25đ)

d. - Cảm phục trước lòng yêu nước, sự gan dạ, dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn của họ. Yêu mến bởi họ lạc quan, yêu đời ngay trong hoàn cảnh khói lửa đạn bom.

(0,25đ)

- Tự hào về tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ. Biết ơn những con người đã đem cả tuổi thanh xuân và tính mạng của mình để đổi lấy độc lập tự do cho Tổ quốc. Sự hy sinh của họ đã góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

(0,25đ)

Câu 2. (1.0 điểm)

a. (0.5 điểm) học sinh chỉ rõ:

- Từ "hoa" trong câu "Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng" dùng theo nghĩa gốc. (0.25 điểm)

- Những từ "hoa" trong các câu khác đều dùng theo nghĩa chuyển. (0.25 điểm)

b. (0.5 điểm) học sinh chỉ rõ:

- Giải nghĩa được nghĩa chuyển của từ "lệ hoa": giọt nước mắt của người đẹp

(Nếu học sinh trả lời: "Nước mắt của Thúy Kiều" vẫn tính điểm; nếu HS giải nghĩa từ "lệ hoa" là "nước mắt" thì không cho điểm).

- Nếu học sinh diễn đạt khác nhưng vẫn hiểu là giọt nước mắt được cách điệu, diễn tả cái đẹp thì tối đa cho 0,25 điểm.

Câu 3: (2 điểm)

* Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh viết một văn bản nghị luận xã hội ngắn theo yêu cầu đề bài (khoảng 15-20 dòng giấy thi)) trình bày suy nghĩ của em về lời khuyên trên, có đủ 3 phần: nêu vấn đề, triển khai vấn đề và kết thúc vấn đề.

- Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả, chữ viết rõ ràng.

* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

a. **Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề:** (0,25 điểm)

-Một đất nước được phát triển giàu mạnh, một xã hội được văn minh hiện đại là nhờ vào sự đóng góp to lớn của con người mà hơn ai hết đó chính là tuổi trẻ

b. Triển khai vấn đề: (Có lí lẽ kèm dẫn chứng) (1,5 điểm)

***Giải thích:**

-Tuổi trẻ là lứa tuổi thanh niên là giai đoạn đẹp nhất của đời người có sự hoàn thiện về thể chất ,trí tuệ ,sức khỏe...

***Quan hệ giữa tuổi trẻ với quê hương đất nước:** Tuổi trẻ có mối quan hệ mật thiết với sự phát triển của quê hương, đất nước là niềm tin hi vọng của đất nước...

***Dẫn chứng :**Trong chiến tranh tuổi trẻ đã hi sinh bảo vệ tổ quốc. Trong thời bình tuổi trẻ ra sức học tập lao động góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh...

***Mở rộng::** Để đóng góp xây đời em thấy mình cần phải sống vì mọi người, đồng thời phải ra sức học tập tu dưỡng đạo đức để trở thành một công dân tốt .

c. Kết thúc vấn đề: (0,25 điểm)

-Đời người chỉ có một lần ta phải sống sau cho xứng đáng. Hãy là mùa xuân của xã hội để đất nước mãi mãi tươi.

Câu 4: (5 điểm)

*** Đảm bảo các yêu cầu sau :**

***.Hình thức :**

- Đúng kiểu bài nghị luận về một đoạn thơ
- Bố cục rõ ràng, trình bày khoa học.
- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, cảm nhận sáng tạo hợp lí.

***. Nội dung:**

1. Mở bài : (0,5đ)

- Dẫn dắt vấn đề: Hoàn cảnh sáng tác bài thơ của tác giả...
- Nêu vấn đề: Giới thiệu bài thơ “*Viếng lăng Bác*” của Viễn Phương cảm nhận khái quát về bài thơ, đoạn thơ.

2. Thân bài: (4.0 đ) Nêu được các ý sau

a. Khái quát về nội dung bài thơ dẫn đến đoạn trích.

b. Phân tích khổ thơ thứ nhất và lòng cảm xúc:

*** Câu thơ đầu:** Câu thơ mở đầu như một lời thông báo, giọng điệu trang nghiêm, tha thiết, phù hợp với cảm xúc của người con miền Nam lần đầu tiên ra thăm lăng Bác.

*** Ba câu thơ sau:** Hình ảnh ẩn dụ “*Hàng tre*” thân thuộc của làng quê Việt Nam, là biểu tượng của sức sống bền bỉ, kiên cường của dân tộc. “*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng*”.

c. Phân tích khổ thơ thứ hai và lòng cảm xúc::

*** Hai câu thơ đầu:**Hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ sóng đôi. “*Mặt trời trong lăng*” nói lên sự vĩ đại của Bác, sự tôn kính của nhà thơ đối với Bác.

*** Hai câu thơ sau:** Điệp ngữ “*Ngày ngày*”, hình ảnh “*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*” là hình ảnh tu từ đặc sắc, thể hiện lòng thành kính của nhân dân với Bác.

d.Khái quát nghệ thuật, nội dung đoạn thơ.

3. Kết bài (0,5đ)

- Khẳng định giá trị đoạn thơ.
- Nêu suy nghĩ bản thân.

* Lưu ý: *Giáo viên cần khuyến khích những bài viết hay, có ý sáng tạo.*

***Biểu điểm:**

- Điểm 5: Thực hiện tốt những yêu cầu nêu trên, trình bày sạch đẹp, diễn đạt tốt.
- Điểm 3-4: Đạt đọc cơ bản những yêu cầu trên nhưng chưa thể hiện sự sáng tạo, còn mắc một vài lỗi diễn đạt.
- Điểm 0- 2: Tùy theo mức độ đáp ứng yêu về nội dung và hình thức trong bài viết của HS giáo viên chấm điểm cho phù hợp.

Ngày tháng năm 201
Xác nhận của P.HT

Ngày tháng năm 201
Duyệt của Tổ Văn

Ngày 25 tháng 3 năm 2018
Người ra đề kiểm tra

Kim Văn Đức

TRƯỜNG THCS CHÂU VĂN LIÊM **ĐỀ THAM KHẢO THI TUYỂN SINH LỚP 10**
Tổ: Ngữ Văn **TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**
NĂM HỌC 2018 - 2019

Ngày soạn đề : 25 / 03 /2018

Môn thi: Ngữ Văn

Thời gian: 120 phút (không kể thời gian phát đề)

I. Mục đích kiểm tra

1. **Về kiến thức:** Củng cố kiến thức đã học cho học sinh
2. **Về kỹ năng:** Rèn kỹ năng làm bài tự luận
3. **Về tình cảm, thái độ, tư tưởng:** Học sinh có thái độ yêu thích thơ văn Việt Nam.

II. Hình thức kiểm tra:

- Đề kiểm tra tự luận;

III. Ma trận đề kiểm tra:

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
(Dùng cho loại đề kiểm tra TL hoặc TNKQ)

Cấp độ Tên chủ đề (nội dung chương...)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề 1 Văn học Truyện Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945	Nhớ được một số tác giả, tác phẩm đã học.	Hiểu được nhân đề, Xác định được ngôi kể và tác dụng của ngôi kể.	Cảm nhận về tuổi trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	0,25 câu 0, 5 điểm	0,5 câu 1,0 điểm	0,25 câu 0, 5 điểm		01 câu 02 điểm 20 %
Chủ đề 2 Tiếng Việt - Hiện tượng chuyển nghĩa của từ	Từ nghĩa gốc, từ nghĩa chuyển	Giải thích nghĩa chuyển của từ			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	0,5 câu 0, 5 điểm	0,5 câu 0, 5 điểm			01 câu 01 điểm 10 %
Chủ đề 3 Tập làm văn - Nghị luận			Viết được đoạn văn nghị luận xã hội ngắn	Viết được bài văn nghị luận văn học	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %			01 câu 02 điểm	01 câu 05 điểm	02 câu 07 điểm 70 %
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	0,75 câu 1,0 điểm 10%	1 câu 1,5 điểm 15%	1,25 câu 2,5 điểm 25%	01 câu 05 điểm 50%	04 câu 10.0 điểm 100%

Câu 1: (2 điểm) Cho đoạn thơ:

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ

- a. Những câu thơ trên nằm trong bài thơ nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?
- b. Những hình ảnh “đồng”, “sông”, “bể”, “rừng” còn được trở lại trong bài thơ trên, hãy chép lại khổ thơ chứa những hình ảnh đó? Theo em, sự trở lại của những hình ảnh ấy mang ý nghĩa gì?

Câu 2: (1 điểm) Cho đoạn văn sau:

“ Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất (...). Mặt đất đỏ kiết sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đó mang lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá mầm non. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt. ”

(Tiếng mưa - Nguyễn Thị Thu Trang)

- a) Xác định và nêu ngắn gọn tác dụng của các biện pháp tu từ từ vựng được dùng trong đoạn văn trên.
- b) Chỉ rõ tính liên kết của đoạn văn.

Câu 3: (2 điểm) Tuổi trẻ cần có ước mơ và hành động. Em hãy viết một bài văn ngắn nghị luận về vấn đề này.

Câu 4: (5 điểm) Cho đoạn thơ sau:

"... Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một nốt trầm xao xuyến

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc...”

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

Cảm nhận của em về ***ước nguyện sống cao đẹp*** của Thanh Hải trong đoạn thơ trên.

Ngày soạn đề : 25 / 03 /2018

Môn thi: Ngữ Văn

Thời gian: 120 phút (không kể thời gian phát đề)

Câu 1:

- a. +Những câu thơ trên nằm trong bài Ánh trăng của Nguyễn Duy. 0,5 đ
+Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết vào năm 1978, ba năm sau ngày giải phóng miền Nam, viết tại thành phố Hồ Chí Minh.0,5 đ
- b. Chép khổ thơ: 0,5đ

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Ý nghĩa:

Sự trở lại các hình ảnh “đồng”, “sông”, “bể”, “rừng” gợi bao tình cảm, suy ngẫm, trải nghiệm trong tâm hồn người lính xưa. Nó gợi nhớ về một thời quá khứ gian lao mà tình nghĩa, từ thuở ấu thơ đến những năm tháng đánh giặc, gần bó cùng đồng đội, nhân dân , cùng thiên nhiên, đất nước bình dị lao động và chiến đấu để xây dựng cuộc sống và bảo vệ Tổ quốc. Đó cũng là những ân nghĩa con người đã nhận trong những năm tháng gian lao đã qua vẫn mãi sáng trong, đẹp đẽ, trường tồn. (0,5đ)

Câu 2:

a) - Phép nhân hóa làm cho các yếu tố thiên nhiên (*mưa, đất trời, cây cỏ*) trở nên có sinh khí, có tâm hồn. 0,25 đ

- Phép so sánh làm cho chi tiết, hình ảnh (*những hạt mưa*) trở nên cụ thể, gợi cảm. 0,25 đ

b) Liên kết nội dung: 0,25 đ

+ Các câu trong đoạn cùng phục vụ chủ đề của đoạn là: *miêu tả mưa mùa xuân và sự hồi sinh của đất trời.*

+ Các câu trong đoạn được sắp xếp theo một trình tự hợp lý.

- Liên kết hình thức: 0,25 đ

+ Phép lặp: *mưa mùa xuân, mưa, mặt đất*

+ Phép đồng nghĩa, liên tưởng: *mưa, hạt mưa, giọt mưa; mặt đất, đất trời; cây cỏ, cây, nhánh lá mầm non, hoa thơm trái ngọt*

+ Phép thể: *cây cỏ - chúng*

+ Phép nối: và

Câu 3:

Mở bài :

Tuổi trẻ là lứa tuổi đẹp nhất của cuộc đời con người. Và tuổi trẻ càng đẹp hơn khi có những mơ ước và những nỗ lực cố gắng để biến ước mơ đó thành hiện thực 0,25 đ

Thân bài

1. Giải thích:

Ước mơ là những lý tưởng, hoài bão được ấp ủ trong mỗi con người.

Hành động là quá trình cố gắng, nỗ lực hành động, để ước mơ không chỉ còn là mơ ước, mà đã trở thành hiện thực. 0,25 đ

2. Vì sao tuổi trẻ cần có ước mơ và hành động?

+Có lẽ, mỗi con người đều có ước mơ của riêng mình. Bởi những ước mơ sẽ là động lực giúp đỡ cho con người ta vượt qua mọi khó khăn gặp phải trong cuộc sống. Trong thực tế hiện nay đã có nhiều bạn trẻ vượt qua được những khó khăn thử thách trong cuộc đời của họ. 0,25 đ

+Tuy nhiên, nếu chỉ có ước mơ thôi thì chưa đủ. Cùng với ước mơ, ta cần phải nỗ lực hành động, bởi đó là cách duy nhất để vươn đến những lý tưởng và gặt hái được thành công bằng những nỗ lực của chính bản thân mình. Chính “hành động” sẽ thể hiện rõ bản lĩnh, năng lực và giá trị sống của mỗi thanh niên trong cuộc đời, là gia vị giúp cuộc sống của ta thật sự tươi đẹp và ý nghĩa hơn. 0,25 đ

3. Bàn luận mở rộng

+Chúng ta cũng cần khẳng định, ước mơ và hành động phải luôn song hành cùng nhau. Ước mơ nếu thiếu hành động thì ước mơ cũng chỉ là mơ ước. Bởi lẽ nó sẽ không bao giờ trở thành hiện thực. Nhưng nếu chỉ hành động mà thiếu ước mơ, bạn khó xác định được mục đích thực sự của bản thân. 0,25 đ

+Hiện nay , không ít thanh niên sống nhưng không có mơ ước, hoài bão...Đó là cuộc sống tẻ nhạt, không gia vị, không màu sắc... Và không ít bạn trẻ mơ ước viễn vông, sống thụ động, ngại đối mặt với những khó khăn thử thách.... Với họ không phải chỉ những ước mơ trở thành vô nghĩa mà cả tuổi trẻ của họ cũng trở nên phí hoài. Và đó là hiện tượng đáng lên án phê phán. 0,25 đ

+Đừng bao giờ ngừng thôi hy vọng, một ngọn lửa nhỏ sẽ thắp sáng cho vô vàn những ngọn nến khác. Dù tận cùng thất bại cũng đừng bao giờ nói rằng “tôi không thể”. Không có gì là không thể chỉ cần chúng ta có đủ quyết tâm có đủ niềm tin, ý chí và nghị lực thì chúng ta sẽ làm được những gì mình muốn.

Đừng bao giờ góì tròn giới hạn của bản thân, khả năng của chúng ta là vô hạn. Thế nên, hãy mơ những gì mình muốn mơ, làm những gì mình muốn làm để không bao giờ phải hối tiếc. 0,25 đ

Kết bài:

Chúng ta chỉ sống có một lần và tuổi ttrer chỉ đến với chúng ta một lần duy nhất, hãy sống sao để mỗi khi nhìn lại bạn sẽ tự hào về nó. Những ước mơ gắn với thực tế, nếu được thực thi bằng những hành động có suy tính, chắc chắn, bạn sẽ thành công. 0,25 đ

Câu 4: (5 điểm)

Đảm bảo các yêu cầu sau :

A.Hình thức :

- Đúng kiểu bài nghị luận về một đoạn thơ
- Bố cục rõ ràng, trình bày khoa học.
- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, cảm nhận sáng tạo hợp lí.

B. Nội dung:

1. Mở bài : (0,5đ) Giới thiệu tác giả,tác phẩm,nội dung đoạn trích

2. Thân bài : (3.0 đ) Nêu được các ý sau

**** Đoạn thơ là ước nguyện được sống đẹp, sống có ích cho đời.(.0,5 đ)***

- Khát vọng của nhà thơ : được hoà nhập vào cuộc sống, được cống hiến phần tốt đẹp - dù nhỏ bé - của cuộc đời mình cho cuộc đời chung, cho đất nước.

**** Ước nguyện ấy được thể hiện một cách giản dị, khiêm nhường, chân thành, tha thiết.(2.5 đ)***

- Nguyện làm những gì bình thường của cuộc sống nhưng có ích cho đời **(0,5đ)**

- Ý thức về sự đóng góp của mình: dù nhỏ bé nhưng là cái tinh túy, cao đẹp của tâm hồn mình góp cho đất nước. **(0,5đ)**

- Hiểu mối quan hệ riêng chung sâu sắc: chỉ xin làm một nốt trầm khiêm nhường trong bản hòa ca chung. **(0.5 đ)**

+ Những hình ảnh *con chim, cành hoa, nốt nhạc trầm* cuối cùng dồn vào một hình ảnh thật đặc sắc: “*Một mùa xuân nho nhỏ – Lặng lẽ dâng cho đời*” : là

những hình ảnh ẩn dụ mang vẻ đẹp giản dị, khiêm nhường, thể hiện thật xúc động điều tâm niệm chân thành, tha thiết của nhà thơ.

+ Đoạn thơ thể hiện một nhân sinh quan cao đẹp: Mỗi người phải mang đến cho cuộc đời chung một nét đẹp riêng, phải cống hiến cái phần tinh túy, dù nhỏ bé, cho đất nước, và phải không ngừng cống hiến “*Dù là tuổi hai mươi – Dù là khi tóc bạc*”.

- Sự thay đổi trong cách xưng hô “*tôi*” sang “*ta*” mang ý nghĩa rộng lớn là ước nguyện chung của nhiều người. **(0.5đ)**

- Hình ảnh “*mùa xuân nho nhỏ*” đầy bất ngờ thú vị và sâu sắc: đặt cái vô hạn của trời đất bên cạnh cái hữu hạn của đời người **(0.5đ)**

3 . Kết bài (0,5đ) Ước nguyện dâng hiến ấy thật lặng lẽ nhưng chân thành tha thiết là một lẽ sống đẹp đẽ.

***Biểu điểm:**

- Điểm 5: Thực hiện tốt những yêu cầu nêu trên, trình bày sạch đẹp, diễn đạt tốt.
- Điểm 3-4: Đạt đọc cơ bản những yêu cầu trên nhưng chưa thể hiện sự sáng tạo, còn mắc một vài lỗi diễn đạt.
- Điểm 0- 2: Tùy theo mức độ đáp ứng yêu về nội dung và hình thức trong bài viết của HS giáo viên chấm điểm cho phù hợp.

Ngày tháng năm 2018

Xác nhận của P.HT

Ngày tháng năm 2018

Duyệt của Tổ Văn

Ngày 1 tháng 4 năm 2018

Người ra đề kiểm tra

Ngày soạn đề : 25 / 03 /2018

Môn thi: **Ngữ Văn**
Thời gian: 120 phút (không kể thời gian phát đề)

I. Mục đích kiểm tra

- Về kiến thức:** Củng cố kiến thức đã học cho học sinh
- Về kỹ năng:** Rèn kỹ năng làm bài tự luận
- Về tình cảm, thái độ, tư tưởng:** Học sinh có thái độ yêu thích thơ văn Việt Nam

II. Hình thức kiểm tra:

- Đề kiểm tra tự luận;

III. Ma trận đề kiểm tra:

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Cấp độ Tên chủ đề (nội dung chương...)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề 1 Văn học Thơ hiện đại Việt Nam	Nhớ được tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm đã học.	- Xác định được đoạn thơ và chép chính xác. - Trình bày được ý nghĩa các hình ảnh thơ.			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	0,5 câu 1 điểm	0,5 câu 1 điểm			01 câu 02 điểm 20 %
Chủ đề 2 Tiếng Việt -Biện pháp tu từ. - Liên kết câu và liên kết đoạn văn.		Xác định được biện pháp tu từ, chỉ ra liên kết đoạn văn.			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		01 câu 01 điểm			01 câu 01 điểm 10 %
Chủ đề 3 Tập làm văn - Nghị luận			Viết được đoạn văn nghị luận xã hội ngắn	Viết được bài văn nghị luận văn học	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %			01 câu 02 điểm	01 câu 05 điểm	02 câu 07 điểm 50 %
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	0,5 câu 1 điểm 10%	1,5 câu 2 điểm 20%	01 câu 02 điểm 20%	01 câu 05 điểm 50%	04 câu 10.0 điểm 100%

Câu 1: (2.0 điểm)

Cho câu thơ: “ Không có kính rồi xe không có đèn.”

- Em hãy viết tiếp ba câu thơ còn lại để hoàn chỉnh khổ thơ gồm bốn dòng.
- Khổ thơ trên trích trong bài thơ nào? Nêu tên tác giả?
- Hai câu thơ cuối của khổ thơ trên đã thể hiện tình cảm và ý chí gì của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn?

Câu 2: (1.0 điểm)

Tìm câu chứa hàm ý và xác định nội dung của hàm ý đó trong câu thơ sau:

Ngủ yên! Ngủ yên! Cò ơi, chớ sợ!

Cành có mềm mẹ đã sẵn tay nâng.

(Chế Lan Viên – Con Cò)

Câu 3: (2.0 điểm) Viết một văn bản nghị luận xã hội (khoảng 10-15 dòng) nêu suy nghĩ của em về đức tính khiêm nhường.

Câu 4: (5.0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau trong bài “*Ánh trăng*” của Nguyễn Duy.

.....

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.

Thình lình đèn điện tắt
Phòng buyn – đing tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình

(*Ngữ văn 9*, tập 1, trang 155, NXB Giáo dục, 2008)

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM.

Câu 1: (2.0 điểm)

- a. Không có kính rồi xe không có đèn
Không có mui xe thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim. (1.0 đ)
- b. Tên bài thơ: Bài thơ về tiểu đội xe không kính. (0.25 đ)
- Tên tác giả: Phạm Tiến Duật. (0.25 đ)
- c. Hai câu thơ cuối thể hiện lòng yêu nước, tình cảm vì miền Nam ruột thịt; ý chí kiên cường quyết tâm chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. (0.5 đ)

Câu 2: (1.0 đ)

- Câu chứa hàm ý: Cành cò mềm mẹ đã sẵn tay nâng.(0.5 đ)
- Nội dung của hàm ý: người mẹ sẽ luôn ở bên con, sẵn sàng che chở, giúp đỡ cho con trước những bất trắc, khó khăn của cuộc đời.(0.5 đ)

Câu 3: (2.0 đ)

- Yêu cầu về kĩ năng:
 - Học sinh biết cách viết một văn bản nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí theo đúng yêu cầu của đề (khoảng 10-15 dòng; văn bản đó có đủ ba phần: Nêu vấn đề, triển khai vấn đề, kết thúc vấn đề; các câu đảm bảo tính liên kết).
 - Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng.
- Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện suy nghĩ của bản thân về đức tính khiêm nhường; đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Nêu vấn đề:

Giới thiệu hiện tượng cần nghị luận.

2. Triển khai vấn đề: (Lí lẽ có kèm dẫn chứng)

***Giải thích:** Khiêm nhường là khiêm tốn trong quan hệ đối xử, đánh giá cái hay, cái ưu điểm của mình một cách vừa phải; không tự đề cao cá nhân..

***Nêu biểu hiện** của tính khiêm nhường: Không tự đề cao cá nhân, hiểu cái hạn chế của mình, biết cái hay của người; chịu lắng nghe sự góp ý, dạy dỗ; kmhiêm tốn học hỏi với tinh thần cầu tiến.

*** Phân tích ý nghĩa, tác dụng** của tính khiêm nhường trong đời sống:

+ Khiêm nhường sẽ giúp cho mỗi cá nhân trở nên tiến bộ hơn trong học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức; có lối sống lành mạnh, cư xử đúng mực, gây được thiện cảm với cộng đồng.

+ Khiêm nhường giúp cho việc giao tiếp, cư xử giữa người với người thân thiện, gần gũi hơn.

***Phê phán** thái độ kiêu căng tự cao, tự mãn dễ dẫn đến lối sống ích kỉ; cũng cần phân biệt đức tính khiêm nhường với thái độ tự ti, nhu nhược.

3. Kết thúc vấn đề:

- Khẳng định lại vấn đề
- Nêu suy nghĩ, hành động của bản thân.

Câu 4: (5.0 đ) Phân tích bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh.

- **Yêu cầu về kĩ năng:** Hiểu đúng yêu cầu của đề bài và vận dụng tốt kĩ năng làm bài nghị luận về một đoạn thơ, kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả.
- **Yêu cầu về kiến thức:** Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản:

1. Giới thiệu chung (0.5 đ)

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác.
- Giới thiệu nội dung đoạn thơ: Sự ăn năn, hối hận của người lính trước vàng trăng nghĩa tình, bao dung. Từ đó nhắc nhở thái độ sống ân nghĩa, thủy chung cùng quá khứ.

2. Phân tích: (4.0 đ)

a. Nội dung:

- Cuộc sống hiện đại ở thành phố đã làm con người mau lãng quên, vàng trăng tri kỉ nay trở thành người dưng qua đường.
- Tình huống mất điện đột ngột đã tạo nên cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa người với trăng nơi thành phố. Từ đó gợi nên những xúc cảm và suy nghĩ của người lính về trăng, về kỉ niệm, về bản thân.
- Vàng trăng mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc:

+ Trăng là hình ảnh của thiên nhiên tươi mát, gắn bó với kỉ niệm tuổi thơ hồn nhiên, là người bạn tri kỉ thời chiến đấu; trăng gợi nhớ, gợi thương về một quá khứ gian khổ nhưng vẹn nguyên nghĩa tình; trăng là vẻ đẹp của đời sống tự nhiên vĩnh hằng.

+ Trăng nghiêm khắc trước thái độ vô tình của con người nhưng cũng đầy bao dung, tha thứ.

+ Trăng thức tỉnh tâm hồn con người: người lính xúc động rung rung ray rứt, giật mình ân hận vì đã có những lúc vô tình lãng quên quá khứ gian lao, nghĩa tình.

➔ Đoạn thơ như một lời tự nhắc nhở của nhà thơ về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị; gợi nhắc mọi người thái độ sống ân nghĩa thủy chung với quá khứ theo đạo lí “ Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

b. Nghệ thuật:

- Kết hợp giữa tự sự và trữ tình.
- Thể thơ năm chữ, giọng điệu tâm tình tự nhiên mà sâu lắng.
- Sáng tạo hình ảnh thơ nhiều tầng ý nghĩa.

3. Đánh giá chung, nêu suy nghĩ, tình cảm của bản thân. (0.5 đ)

II. MỤC TIÊU KIỂM TRA

- Thu thập thông tin để đánh giá sự tiếp thu, mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Ngữ Văn lớp 9 phần Văn bản+Tiếng Việt+ Tập làm văn của cả năm học.
- Luyện kĩ năng làm bài kiểm tra tự luận.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức kiểm tra: tự luận.
- Cách tổ chức kiểm tra: Cho học sinh làm bài kiểm tra trong 120 phút.

III. THIẾT LẬP MA TRẬN

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
Thời gian làm bài 120 phút (không kể thời gian phát đề)

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng (TL)		Cộng
			Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Nội dung	(TNKQ)	(TNKQ)			
Chủ đề 1: Tiếng Việt	Tìm câu chứa hàm ý và xác định nội dung hàm ý Câu 2(1đ)				
Chủ đề 2: Văn bản		Chép thơ, cho biết tên tác giả, tác phẩm,nội dung của các câu thơ. Câu 1(2đ)			
Chủ đề 3: Tập làm văn			Viết đoạn văn nghị luận về đức tính khiêm nhường Câu 3: (2đ)	Phân tích đoạn thơ trong bài Ánh trăng Câu 4: (5.0đ)	
Số chủ đề: 3	Số câu: 1	Số câu:1 Số	Số câu: 1 Số điểm:	Số câu: 1	Số câu:4 Số điểm:

	Số điểm:1.0 Tỉ lệ: 10%	điểm:2.0 Tỉ lệ: 20%	2.0 Tỉ lệ 20%	Số điểm: 5.0 Tỉ lệ: 50%	10 Tỉ lệ:100%
--	---	--	------------------------------------	--	------------------------------------

ĐỀ BÀI

Câu 1. (1,5 điểm)

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trên lăng rất đỏ.

(Viếng lăng Bác- Viễn Phương)

Hãy cho biết từ “mặt trời” trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo biện pháp tu từ từ vựng nào? Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không? Vì sao?

Câu 2. (1,5 điểm)

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

(Đồng chí – Chính Hữu)

Hình ảnh đặc sắc nhất trong khổ thơ trên là gì? Nêu ngắn gọn ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh ấy?

Câu 3. (2 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận ngắn bàn về quan niệm sống.

Câu 4. (5 điểm)

Phân tích bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

I. Hướng dẫn chung

1. Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của *Hướng dẫn chấm thi* để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
2. Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.
3. Việc chi tiết hóa điểm số của các ý (nếu có) trong *Hướng dẫn chấm thi*, phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và được thống nhất trong tổ chấm th.
4. Điểm toàn bài không làm tròn.

II. Đáp án và thang điểm

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1. (1,5 đ)	- Từ “mặt trời” trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo phép tu từ ẩn dụ	0,50
	- Trường hợp này không phải là hiện tượng nghĩa gốc của từ phát triển thành nghĩa chuyển.	0,50
	- Đây là hiện tượng chuyển nghĩa tạm thời, chỉ có giá trị trong ngữ cảnh này, “mặt trời” không còn nghĩa chỉ Bác Hồ nữa.	0,50
Câu 2. (1,5 đ)	- Hình ảnh đặc sắc nhất trong khổ thơ : <i>Đầu súng trăng treo.</i>	0,75
	- Ý nghĩa biểu tượng: hiện thực và lãng mạn, chất chiến đấu và chất trữ tình, biểu tượng đập về chân dung hình tượng người lính Cụ Hồ trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp.	0,75
Câu 3. (2,0 đ)	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 10 – 15 dòng) trình bày suy nghĩ của em : Bàn về quan niệm sống.	
	* Yêu cầu về kĩ năng: - Xây dựng một bài văn nghị luận xã hội chặt chẽ, hợp lí (khoảng 10 – 15 dòng; bài văn có đủ ba phần: nêu vấn đề, triển khai vấn đề, kết thúc vấn đề. - Không mắc lỗi diễn đạt về các mặt chính tả, dùng từ, đặt câu. Cách lập luận chặt chẽ, văn sắc bén, thuyết phục, có nét riêng. * Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý cơ bản sau:	
	1. Nêu vấn đề: Giới thiệu vấn đề nghị luận.	0,25
	2. Triển khai vấn đề: (Lí lẽ kèm dẫn chứng) * Giải thích: Lí tưởng sống là mục đích và lí tưởng lớn lao mà mỗi người hướng tới bằng ước mơ suy nghĩ và hành động. - Lí tưởng sống cao đẹp là sống vì mọi người, sống phải nhân ái bao dung chia sẻ đồng cảm, sống phải cống hiến hi sinh. - Sống hết mình, phải nghiêm khắc với bản thân không ăn chơi đua đòi sa đọa. Sống phải vị tha cầu tiến, không trốn tránh từ chối trách nhiệm. * Nguyên nhân: - Sống có lí tưởng thì cuộc sống của ta sẽ trở nên ý nghĩa và xứng đáng. - Không có lí tưởng ta dễ dàng buông xuôi sa ngã, không làm được gì	1,5 đ

	lớn lao có ích cho đời. * Dẫn chứng: Bác Hồ có lí tưởng sống cao đẹp đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam. * Phê phán: Tuy nhiên còn có một số người chưa có lí tưởng sống rõ ràng như: ăn bám vào xã hội, thích hưởng thụ...	
	3. Kết thúc vấn đề: - Khẳng định lại vấn đề. - Nêu suy nghĩ, hành động của bản thân.	0,25
Câu 4 (5,0 đ)	Phân tích bài thơ <i>Sang thu</i> của Hữu Thỉnh	
	* Yêu cầu về kĩ năng: Hiểu đúng yêu cầu của đề bài và vận dụng tốt kĩ năng làm bài nghị luận về một đoạn thơ, kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả.	
	* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản.	
	1. Giới thiệu chung - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác. - giới thiệu mạch cảm xúc của bài thơ và nội dung bài thơ.	0,5
	2. Phân tích	4, 0đ
	a) Nội dung * Khổ 1: Tín hiệu cảnh vật chuyển sang thu. - Sự biến đổi của thiên nhiên đất trời lúc chuyển mình sang thu: + Những nét đặc trưng: <i>hương ổi, gió se, sương chùng chình...</i> + Sự kết hợp một loạt các từ: “Bỗng – phả - hình như”. -> Vẻ đẹp của thiên nhiên được cảm nhận tinh tế từ những dấu hiệu vô hình (<i>hương, gió</i>), mờ ảo (<i>sương</i>), rất hẹp và rất gần (<i>ngõ</i>); thu đến đột ngột, bất ngờ, không báo trước, thiên nhiên vẫn còn lưu luyến, bịn rịn. - Tâm trạng nhà thơ ngỡ ngàng, cảm xúc băng khuâng.	
	* Khổ 2: Đất trời chuyển mình sang thu. - Khúc biến tấu giao mùa được cụ thể hóa bằng những sắc thái đổi thay của tạo vật: + Sông “ <i>dềnh dàng</i> ” với dáng vẻ chậm chạp, thông thả như đang lắng lại, đang trầm xuống, bỏ đi cái cuồn cuộn chảy dữ dội của những ngày hè mưa lũ. + Hình ảnh đàn chim bắt đầu “ <i>vội vã</i> ” bay về phương Nam tránh rét. + Đám mây “ <i>mùa hạ</i> ” duyên dáng như một dây lụa “ <i>vắt nửa mình sang thu</i> ”. -> Thiên nhiên được quan sát ở một không gian rộng lớn, nhiều tầng bậc. Đây là thời điểm giao mùa, cảnh vật như đang chuyển mình diêm tĩnh – mùa hạ bước sang mùa thu. * Khổ 3: Biến đổi của cảnh vật, suy ngẫm có tính triết lí về cuộc đời. - Vẫn là những hình ảnh quen thuộc nắng, mưa, sấm, chớp, bão dông như mùa hạ nhưng mức độ đã khác. Thiên nhiên bắt đầu đi vào chùng mực, vào thế ổn định.	

	+ Nắng cuối hạ <i>vẫn</i> còn nồng nhưng không còn chói chang. + Mưa cuối hạ <i>vẫn</i> còn nhưng đã <i>vơi dần</i>. + Sấm vẫn còn nhưng không <i>bất ngờ</i> rền vang. - Hai câu thơ vừa có ý nghĩa tả thực vừa là một ẩn dụ gửi gắm suy nghĩ của tác giả về cuộc đời: khi con người đã từng trải thì cũng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh. -> Bài thơ là những cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và gửi gắm những suy nghĩ của nhà thơ về cuộc đời.	
	b) Nghệ thuật - Thể thơ 5 chữ, nhịp chậm, âm điệu nhẹ nhàng. - Hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm, sáng tạo trong việc sử dụng từ ngữ. - Phép tu từ nhân hóa, ẩn dụ độc đáo.	
	3. Đánh giá chung, nêu suy nghĩ, tình cảm của bản thân.	(0,5đ)

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH

TỔ: NGŨ VĂN

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC: 2017- 2018

Môn: **Ngữ Văn**

Thời gian: **120 phút**

I. MỤC TIÊU KIỂM TRA

- Thu thập thông tin để đánh giá sự tiếp thu, mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Ngữ Văn lớp 9 .

- Luyện kỹ năng làm bài kiểm tra theo dạng tự luận.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức kiểm tra: Tự luận.

- Cách tổ chức kiểm tra: Cho học sinh làm bài kiểm tra trong 120 phút.

III. THIẾT LẬP MA TRẬN

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Thời gian làm bài 120 phút (không kể thời gian phát đề)

Mức độ Nội dung	Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)		Cộng
			Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Chủ đề 1: Tiếng Việt	Nghĩa gốc, nghĩa chuyển				
<i>Số câu:1 câu</i>	<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm 1,5</i> <i>Tỉ lệ 15%</i>				<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm:1,5</i> <i>Tỉ lệ :15%</i>
Chủ đề 2: Văn bản		Hình ảnh đặc sắc trong bài “Đồng chí”			
<i>Số câu: 1 câu</i>		<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm 1,5</i> <i>Tỉ lệ 15%</i>			<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm: 1,5</i> <i>Tỉ lệ :15%</i>
Chủ đề 3: Tập làm văn				Bàn về quan niệm sống	
<i>Số câu: 1câu</i>				<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm 2,0</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu 1</i> <i>Số điểm:2,0</i> <i>Tỉ lệ :20%</i>
<i>Số câu: 1câu</i>				Phân tích bài thơ <i>Sang thu</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm:5,0</i> <i>Tỉ lệ:50%</i>

Số chủ đề : 3	Số câu: Số điểm:1,5 Tỉ lệ: 15%	Số câu: 1 Số điểm:1,5 Tỉ lệ: 15%		Số câu 2 Số điểm 7,0 Tỉ lệ 70 %	Số câu: 4 Số điểm: 10 Tỉ lệ 100 %
----------------------	---	---	--	--	--

A. ĐỌC HIỂU (2,0 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

*“Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.”*

- Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả?
- Nêu một biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên?

Câu 2: (1 điểm)

- Hãy nêu tên các thành phần biệt lập đã được học.
- Chỉ ra và nêu tên cụ thể thành phần biệt lập có trong đoạn văn sau đây:

“ Hời còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu...”

(*Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê*)

B. TẬP LÀM VĂN (8,0 điểm)

Câu 1 : (3.0 điểm) Trong ca khúc “Đường đến ngày vinh quang”, có một đoạn rất hay :

“Chẳng chặng đường nào trải bước trên hoa hồng. Bàn chân cũng thấm đau vì những mũi gai. Đường vinh quang đi qua muôn ngàn sóng gió”.

(Trích “Đường đến ngày vinh quang” – Trần Lập)

Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu hát trên bằng một bài văn ngắn.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau :

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm*

*Không có kính rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.”*
(“*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” - Phạm Tiến Duật)
----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1: a/ -Tác phẩm: Mùa xuân nho nhỏ (0,25đ)

-Tác giả: Thanh Hải (0,25đ)

b/ Học sinh có thể kể ra được một trong các biện pháp tu từ sau (phải có minh chứng cụ thể) (0,5đ)

- Điệp ngữ: Ta làm...Ta làm; Dù là...Dù là.
- Liệt kê: Con chim hót, một cành hoa, một nốt trầm.
- Điệp từ: Ta
- Hoán dụ: Tuổi hai mươi, tóc bạc.
- Ẩn dụ: Con chim hót, một cành hoa, một nốt trầm.

Câu 2: a/ - Kể tên các thành phần biệt lập: (0,5đ)

- + Thành phần tình thái
- + Thành phần gọi-đáp
- + Thành phần cảm thán
- + Thành phần phụ chú

b/ - Xác định đúng thành phần biệt lập: Dường như (0,25đ)

- Nêu đúng tên: Thành phần tình thái (0,25đ)

II.TẬP LÀM VĂN (8,0 điểm)

Câu 1 : (3.0 điểm)

***. Giải thích ý nghĩa thông điệp của tác giả (35%)**

– “ Hoa hồng” là loại hoa có hương thơm nồng nàn, có màu sắc rực rỡ của niềm vui, một loại hoa đẹp luôn là biểu tượng cao nhất của tình yêu trong cuộc sống con người. Ở đây hoa hồng là chỉ thành công và hạnh phúc mà con người đạt được. (0,25đ)

– “ Mũi gai” hoa hồng đẹp nhưng có gai, đôi lúc để cầm bông hồng trên tay chúng ta cũng phải chịu đau đớn không ít lần vì mũi gai nhọn của nó. Giống như cuộc sống, để có thành công và hạnh phúc ta phải biết vượt qua những sóng gió và thử thách trong cuộc đời “Qua cơn mưa trời lại sáng” (0,25đ)

=>Tác giả muốn khẳng định chân lí: Muốn có hạnh phúc và thành công trên đường vinh quang mỗi người bắt buộc phải biết “chịu đau” khi gặp những “mũi gai” và “đi qua muôn ngàn sóng gió”. (0.25đ)

***. Bàn luận (40%)**

– Hạnh phúc, vui sướng... luôn là ước mơ cũng là mục tiêu của mọi con người. Nhưng nghịch lí cuộc đời vẫn đề khó khăn vất vả chiếm đa phần trong đời mỗi chúng ta. Phải đi qua, thoát ra khỏi đau khổ, con người mới có thành công. (0,25đ)

– Mọi sự thành công đều bao gồm sự hi sinh mất mát và những nỗi đau, nỗi buồn. Biết chấp nhận đau thương, vất vả cũng là biết cố gắng để đi tới đích trên đường vinh quang. (0,25đ)

Dẫn chứng: Nick Vujic – con người tàn tật biết chấp nhận sự thiếu thốn, không vịn nguyên về thể xác để thành công và trở thành biểu tượng của bản lĩnh, nghị lực sống trên toàn thế giới. (0,25đ)

– Đường vinh quang là đi qua muôn trùng sóng gió – Lời bài hát như khẳng định thêm về ý chí của một con người luôn hiên ngang bước qua mọi gian nan ở đời. Đó là một bài học ý nghĩa về cách sống mà Trần Lập muốn gửi gắm đến mỗi con người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Sống tốt đẹp là phải biết đối mặt với thử thách, đối mặt với phong ba bão táp và chiến thắng nó. Thành công sẽ đến với những người không bao giờ chùn bước và run sợ trước khó khăn. (0,5đ)

Dẫn chứng: Người thương binh Nguyễn Xuân Năng với tinh thần “Thương binh tàn mà không phế” đã có nhiều thành tích cao trong việc thi đấu bóng bàn ở trong nước và Quốc tế. (0,25đ)

***. Phê phán (25%)**

– Trái ngược với những tấm gương luôn sống đương đầu với thử thách thì không ít bạn trẻ ngày nay có lối sống nhút nhát, gặp khó khăn là nản chí, nhụt chí và dễ dàng bỏ cuộc. (0,25đ)

– Cũng không ít người không chịu chấp nhận những thất bại, buồn đau mà khó khăn của mình gây ra, mà tìm cách đi đến thành công bất chấp mọi thủ đoạn. (0,25đ)

Dẫn chứng: Nhiều cán bộ vì muốn giàu ra sức tham nhũng của dân chúng; thành công mà hại người khác... (0,25đ)

- **Lưu ý :** - (Đối với **câu 2**, chỉ **cho điểm tuyệt đối** khi bài làm của học sinh đáp ứng được **trên 65%** yêu cầu của đáp án)

- Học sinh có những cách lý giải khác với đáp án nhưng thuyết phục thì vẫn cho điểm tương đương, tuy nhiên không vượt mức quy định.

Câu 2: * **Yêu cầu :** - Bài viết bố cục rõ ràng, không lạc đề, văn viết có cảm xúc.

- Mở bài phải giới thiệu được tác giả, tác phẩm và đoạn thơ. (0.5đ)

Bài viết phải cơ bản đáp ứng được những yêu cầu sau đây :

*** Nội dung cơ bản : (60%)**

- Trong bom rơi, những chàng trai lái xe không kính hợp lại với nhau thành một tiểu đội, thành những người có chung chí hướng. Nhưng hơn thế, mỗi km đường đi lại thành km tình nghĩa bởi họ không chỉ là đồng chí, họ còn là anh em ruột thịt: (0.25đ)

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”*

- Khổ thơ đã ghi lại những giây phút dừng chân đầy tình yêu thương, đầm ấm của những người lính lái xe. Sau những giây phút làm nhiệm vụ sau buồng lái, vượt qua bom đạn kẻ thù, họ dừng chân cùng nhau chia sẻ từng bát cơm, hạt gạo như một gia đình. Hình ảnh chiếc bếp Hoàng Cầm ấm cúng và những người lính ngồi cạnh nhau nghỉ ngơi khiến lòng ta bình yên lại. Bởi giữa cái khốc liệt của chiến tranh thì khoảnh khắc ấy đẹp quá! Nó khiến người ta có thêm niềm tin và động lực để đi tiếp: (0.5đ)

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi lại đi trời xanh thêm*

- Trên những chiếc xe không kính là cả bầu trời bao la rộng lớn chở che cho các anh. Chúng ta không thể quên những chiếc võng mắc trên thùng xe, các anh nằm chợp mắt hay kể chuyện vắn, hay đánh đàn và hát rộn vang theo nhịp của những bánh xe lăn tròn. Cuộc chiến đấu gian nan vất vả của những người lính lái xe trong kháng chiến chống Mỹ được Phạm Tiến Duật khắc họa thật chân thực và sống động biết mấy. Chỉ hai từ “chông chênh” mà cho người đọc cảm thấy như chính mình đang cùng ngồi với các anh trên chiếc võng Trường Sơn. (0.5đ)

- Từ đầu bài thơ đến tận khổ cuối, chúng ta thấy xuất hiện rất nhiều những từ “không” và đến khổ cuối thì điệp khúc “không” đó được nhấn mạnh liên tiếp: (0.25đ)

*“Không có kính rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước”*

- Không chỉ “không có kính”, những chiếc xe trong kháng chiến chống Mỹ còn thiếu thôn đủ thứ: từ đèn tới mui xe, thùng xe cũng xước hết vì những hủy hoại tàn khốc của bom đạn chiến tranh. Nó tố cáo bản chất ác liệt của chiến tranh và đồng thời cũng làm nổi bật trước mắt người đọc một cái “có” ngời sáng toàn bài thơ: (0.25đ)

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim*

- Động lại cuối bài thơ là hình ảnh “trái tim” – biểu tượng cho tình yêu Tổ quốc, cho khát vọng chiến đấu bảo vệ độc lập tự do, thống nhất nước nhà của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ. Tất cả những khó khăn, gian khổ kia chẳng là gì so với lòng nhiệt huyết và khát vọng sức sôi của những người thanh niên yêu nước. Nó chỉ càng mài giũa thêm cho họ sức mạnh để chiến thắng tất cả để hành động, để tiến lên phía trước như những chiếc xe không ngừng chi viện cho miền Nam thân yêu. (0,75)

*** Nghệ thuật cơ bản : (25%)**

- **Giọng thơ** ngang tàng, có cả chất nghịch ngợm, rất phù hợp với những đối tượng miêu tả (những chàng trai lái xe trên những chiếc xe không kính). Giọng điệu ấy làm cho lời thơ gần với lời văn xuôi, lời đối thoại, lời nói thường ngày nhưng vẫn thú vị và giàu chất thơ (Chất thơ ở đây là từ những hình ảnh độc đáo,

từ cảm hứng về vẻ hiên ngang, dũng cảm, sự sôi nổi trẻ trung của những người lính lái xe, từ ấn tượng cảm giác được miêu tả cụ thể, sống động và gợi cảm...) (0.5đ)

- **Thể thơ:** Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ và 8 chữ, tạo cho bài thơ có điệu thơ gần với lời nói tự nhiên, sinh động. Những yếu tố về ngôn ngữ và giọng điệu bài thơ đã góp phần trong việc khắc họa hình ảnh người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn một cách chân thực và sinh động. (0.5đ)

*** Đánh giá, nâng cao : (15%)**

- Toàn bộ bài thơ mà đặc biệt là hai khổ thơ cuối đã nhắc nhiều tới cái khó khăn, gian khổ của người lính lái xe, nhưng cái đọng lại lại là niềm tin, là tình yêu miền Nam, tình yêu đất nước. (0.25đ)

- Bài thơ làm sáng ngời chất lính rất hồn nhiên, phóng khoáng của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ. Phạm Tiến Duật bằng chính tài năng và những trải nghiệm sâu sắc của bản thân đã truyền cho thế hệ trẻ ngày ấy niềm lạc quan, yêu đời để chiến đấu và chiến thắng. (0.5đ)

- Đến ngày hôm nay, tuy chiến tranh đã lùi xa, nhưng “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” vẫn khiến chúng ta yêu mến vô cùng. Bởi nhìn vào đó, chúng ta thấy được không khí của cả thời chống Mỹ, nhìn vào đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn của thế hệ cha anh, để tự hồi thúc bản thân sống có ích hơn, sống lạc quan hơn! (0.25đ)

Phòng GD-ĐT Thị xã Thuận An.

Trường THCS Nguyễn Văn Tiết

ĐỀ THI THAM KHẢO VÀO LỚP 10

MÔN NGỮ VĂN 9

Năm học: 2017-2018

Thời gian: 120 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. YÊU CẦU, MỤC ĐÍCH ĐỀ KIỂM TRA:

- Đánh giá năng lực tổng hợp của học sinh sau khi học xong chương trình Ngữ văn 9.
- Nắm vững kiến thức ở các nội dung Đọc – hiểu, Tiếng Việt, Tập làm văn.
- Khả năng vận dụng kiến thức Đọc – hiểu, Tiếng Việt, Làm văn vào việc tiếp nhận văn bản và tạo lập văn bản.
- Hình thức đánh giá: Tự luận

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KIẾN THỨC KIỂM TRA:

1.Kiến thức: Củng cố kiến thức qua ba phần: Văn bản, tiếng Việt, tập làm Văn.

2.Kĩ năng: Rèn cho học sinh kĩ năng nhận biết, tư duy và vận dụng.

3.Thái độ: Học sinh có ý thức và nghiêm túc làm bài.

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA: TỰ LUẬN

Thời gian làm bài: Học sinh làm bài 120 phút.

IV. THIẾT LẬP MA TRẬN, ĐỀ KIỂM TRA:

- **Khung ma trận**

• Nội dung		Mức độ cần đạt				Tổng số
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
I. Đọc hiểu	Câu 1 - <i>Ngữ liệu:</i> Đoạn thơ - <i>Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu:</i> + Một đoạn thơ trong bài Mùa xuân nho nhỏ + Độ dài 8 câu thơ Câu 2 - <i>Ngữ liệu:</i> Đoạn văn	- <i>Nhận diện tác giả, tác phẩm.</i> - <i>Nêu tên các thành phần biệt lập.</i> - <i>Chỉ ra</i>	- <i>Chỉ ra một biện pháp tu từ trong đoạn thơ</i> “ <i>Ta làm...tóc bạc.</i> ”			

• Nội dung		Mức độ cần đạt				Tổng số
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
	trong văn bản Những ngôi sao xa xôi - Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu: + Đoạn văn có chứa thành phần biệt lập. + Đoạn văn có độ dài khoảng từ 5 - 7 câu	được thành phần biệt lập và nêu tên gọi cụ thể của thành phần đó trong đoạn văn : “Hồi còi...vĩnh cửu”				
Tổng	Số câu	1,5	1/2			2
	Số điểm	1,5	0,5			2,0
	Tỉ lệ	15%	5%			20%
II. Làm văn	Câu 1: Nghị luận xã hội - Khoảng 10-15 dòng giấy thi. - Trình bày suy nghĩ về vấn đề đặt ra trong đoạn thơ “ Ta làm...tóc bạc” ở phần đọc hiểu.			Viết đoạn văn nghị luận xã hội		
	Câu 2: Nghị luận văn học - Nghị luận về đoạn thơ “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”				Viết bài nghị luận văn học	
	Số câu			1	1	2

• Nội dung		Mức độ cần đạt				Tổng số
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Tổng	<i>Số điểm</i>			3,0	5,0	7,0
	<i>Tỉ lệ</i>			30%	50%	70%
Tổng cộng	<i>Số câu</i>	1,5	1/2	1	1	7
	<i>Số điểm</i>	1,5	0,5	3,0	5,0	10,0
	<i>Tỉ lệ</i>	15%	5%	30%	50%	100%

Giáo viên ra đề

Võ Thị Vân Anh

Câu 1 (2.0 điểm) :

- a. Kể tên các thành phần biệt lập đã học?
- b. Xác định thành phần biệt lập trong các câu văn sau và cho biết chúng thuộc thành phần biệt lập nào?
- Chẳng lẽ ông ấy không biết.
 - Anh Sơn - vốn dân Nam Bộ gốc, làm điệu bộ như sắp ca một câu vọng cổ.
 - Ôi những buổi chiều mưa ướt đầm lá cọ!
 - Thưa ông, ta đi thôi ạ!

Câu 2 (1.0 điểm): Trong bài thơ “Bếp lửa”, Bằng Việt có viết:

*Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế,
Mẹ cùng cha công tác bận không về,
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học,
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

- a. Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ.
2. Trong khổ thơ chi tiết nào được tác giả nhắc đi, nhắc lại nhiều lần? Việc nhắc lại nhiều lần chi tiết này có ý nghĩa gì?

Câu 3 (2.0 điểm):

Từ câu chuyện về chú bé Xi-mông trong đoạn trích “ Bố của Xi- mông”, bằng một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi hãy nêu suy nghĩ của em về lòng nhân ái của con người trong cuộc sống?

Câu 4 (5.0 điểm): Phân tích nhân vật bé Thu trong truyện ngắn” Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng ?

-----Hết-----

ĐÁP ÁN + BIỂU ĐIỂM

Câu 1:

a.

- Thành phần tình thái (0,25đ)
- Thành phần phụ chú (0,25đ)
- Thành phần cảm thán. (0,25đ)
- Thành phần gọi - đáp(0,25đ)

b. Xác định và cho biết thành phần biệt lập.

- Chẳng lẽ: thành phần tình thái. (0,25đ)
- vốn dân Nam Bộ gốc: thành phần phụ chú. (0,25đ)
- Ôi: thành phần cảm thán. (0,25đ)
- Thưa ông: thành phần gọi - đáp. (0,25đ)

Câu 2:

a.HS nêu đúng:

- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài. Bài thơ được đưa vào tập “ Hương cây – Bếp lửa” (0,25đ)

b. HS nêu đúng:

- Chi tiết nào được nhắc đi, nhắc lại: Tiếng tu hú (4 lần) (0,25đ)
- Ý nghĩa: (0,5đ)
 - + Khiến lòng người trôi dạt những hoài niệm, nhớ mong
 - + Gọi ra tình cảnh vắng vẻ và nỗi nhớ mong của hai bà cháu
 - + Hình ảnh người bà thêm đậm nét và tình bà cháu thêm sâu nặng

Câu 3:

- HS phải đảm bảo các yêu cầu về:

* **Kiểu văn bản:** Nghị luận xã hội rút ra từ tác phẩm văn học

* **Vấn đề bàn luận:** Suy nghĩ về lòng nhân ái

* **Về hình thức**

- Lập luận chặt chẽ, mạch lạc, thuyết phục

- Đủ dung lượng khoảng nửa trang giấy thi

* **Yêu cầu về nội dung:** Học sinh có thể có các diễn đạt khác nhau song cần đảm bảo nội dung:

* **Giải thích khái niệm:** HS hiểu được **lòng nhân ái** chính là biết yêu thương, sẻ chia, quan tâm đến mọi người...

***Nhận định+ Ý nghĩa của lòng nhân ái trong cuộc sống**

- Có ý nghĩa lớn lao, quan trọng và kì diệu đối với cuộc sống.
- Cả người đem cho và người nhận tình yêu thương đều thấy sung sướng, hạnh phúc.
- Giúp cho con người có thêm sức mạnh, niềm tin, tiếp thêm nghị lực sống để vượt qua khó khăn, thử thách.
- Giúp con người sống nhân ái, yêu thương nhau hơn.

- Có thể cảm hóa được cái xấu, cái ác, là nhịp cầu xóa bỏ những ngăn cách, hận thù.

*** Biểu hiện:-** Tích cực + Tiêu cực:

*** Liên hệ, nhắc nhở:** Mỗi học sinh cần có những biểu hiện hành động cụ thể thể hiện tình yêu thương đối với những người xung quanh mình (ông bà, bố mẹ, thầy cô, bạn bè ...) để cuộc sống ngày một thêm đẹp, thêm ý nghĩa.

- Sống thân ái, chan hòa, yêu thương mọi người

- Sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ

- Phê phán thói sống ích kỉ, thờ ơ, ghẻ lạnh, vô cảm.

- Khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của tình yêu thương.

(Lưu ý dài quá số trang quy định trừ 0,5 điểm)

Câu 4:

1. Yêu cầu về hình thức: (0.5 đ)

Học sinh biết cách trình bày bài viết cảm thụ về nhân vật văn học .

- Bài viết đảm bảo bố cục ba phần: MB, TB, KB

- Văn phong sáng sủa, diễn đạt lưu loát, bố cục rõ ràng, khoa học, không dùng từ sai , đúng chính tả , ngữ pháp.

- Chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.

2. Yêu cầu về nội dung: Học sinh có nhiều cách trình bày khác nhau. Tuy nhiên cần đảm bảo được các ý chính sau:

a. Mở bài : (0.5 đ)

- Giới thiệu về tác giả

- Giới thiệu tác phẩm(Hoàn cảnh sáng tác, đại ý)

- Giới hạn vấn đề: Bé Thu là nhân vật chính để lại cho em nhiều ấn tượng nhất.

b. Thân bài: (3.5 đ)

*** Luận điểm 1 : bé Thu trong những ngày đầu gặp cha**

- Luận cứ 1: Lúc mới gặp cha

+ Giật mình, tròn mắt nhìn, ngơ ngác , lạ lùng.

+ Mặt tái đi, vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!”.

=> Sự hồn nhiên ngây thơ , ngạc nhiên xen lẫn sợ hãi.

- Luận cứ 2 : những ngày ông Sáu ở nhà

+ Anh Sáu càng vỗ về thì lại càng đẩy ra.

+ Không chịu gọi anh Sáu là ba, cứ xem như người lạ.

+ Không chịu gọi ba vào ăn cơm , thấy má giận nó chỉ nói trống.

+ Nhờ anh Sáu chắt nước nồi cơm một cách miễn cưỡng, tiếp tục nói trống.

+ Được anh Sáu gấp trứng vào tô nhưng lại hất ra , tuy bị đánh nhưng không khóc rồi chạy sang nhà ngoại.

=> Thể hiện sự mạnh mẽ, pha chút bướng bỉnh.

*** Luận điểm 2 : khi bé thu đã nhận ra cha mình**

- Nhận ra tình cha con thật chất , lòng vô cùng ân hận.

- Không còn bướng bỉnh, lạnh lùng.

- Hôn khắp người, ôm chặt không cho cha đi.

=> Lòng thương cha vô bờ bến , biết hối hận về những gì mình đã làm.

c. Kết bài : (0.5 đ)

-Bé Thu tuy có nhiều tính cách khác nhau nhưng suy cho cùng vẫn là một cô bé rất yêu thương cha.

-Bằng cách miêu tả tâm lí và xây dựng hình ảnh nhân vật bé Thu sâu sắc, tác giả đã đem đến người đọc một câu chuyện về tình cha con cảm động.

** **Lưu ý** : Giáo viên linh hoạt vận dụng hướng dẫn chấm phần tự luận. Chỉ cho điểm tối đa đối với những bài viết có sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức**

Phòng GD-ĐT Thị xã Thuận An.

Trường THCS Nguyễn Văn Tiết

ĐỀ THI THAM KHẢO TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

MÔN NGỮ VĂN 9

Năm học: 2017-2018

Thời gian: 120 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. YÊU CẦU, MỤC ĐÍCH ĐỀ KIỂM TRA:

Thu thập thông tin đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình môn Ngữ văn lớp 9 với mục đích đánh giá năng lực đọc, hiểu và tạo lập văn bản của học sinh qua hình thức kiểm tra tự luận.

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KIẾN THỨC.

1. Kiến thức: Ôn tập, củng cố kiến thức môn Ngữ Văn ở học kì I và học kì II để làm kiểm tra

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng nhận biết, tư duy, làm bài.

3. Thái độ: Sự trung thực, ý thức học tập và yêu thích bộ môn.

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

Hình thức: tự luận

Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm bài thi trong 120 phút

IV. THIẾT LẬP MA TRẬN:

KHUNG MA TRẬN ĐỀ THI THAM KHẢO TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

NĂM HỌC 2018-2019

Thời gian: 120 phút (Không kể thời gian phát đề)

<i>Tên chủ đề</i> (nội dung, chương)	<i>Nhận biết</i>	<i>Thông hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>		<i>Cộng</i>
			<i>Cấp độ thấp</i>	<i>Cấp độ cao</i>	
Chủ đề 1: Tiếng Việt	-Kể tên	Xác định đúng			
Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu:0,5 Số điểm:1,0 Tỉ lệ:10%	Số câu:0,5 Số điểm:1,0 Tỉ lệ:10%	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	Số câu:1 Số điểm: 2 Tỉ lệ:20%
Chủ đề 2: Văn bản	-Hoàn cảnh sáng tác \ 	-Ý nghĩa chi tiết			
Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu:0,5 Số điểm:0,5 Tỉ lệ:5%	Số câu:0,5 Số điểm:0,5 Tỉ lệ: 5%	Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu:1 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ:10%

Chủ đề 3: Nghị luận XH			Lòng nhân ái		
Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu: 1 Số điểm: 2.0 Tỉ lệ : 20%	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ : %	Số câu: 1 Số điểm:2,0 Tỉ lệ : 20%
Chủ đề 4: Nghị luận VH				Phân tích nhân vật bé Thu	
Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu Số điểm. Tỉ lệ %	Số câu: Số điểm: Tỉ lệ : %	Số câu: 1 Số điểm:5,0 Tỉ lệ :50 %	Số câu: 1 Số điểm:5,0 Tỉ lệ : 50%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 1,0 Số điểm:1,5 Tỉ lệ: 15 %	Số câu: 1,0 Số điểm:1,5 Tỉ lệ: 15 %	Số câu:2 Số điểm: 7,0 Tỉ lệ: 70%		Số câu: 4 Số điểm: 10 Tỉ lệ: 100%

Câu 1. (2.0 điểm)

Cho câu thơ sau: “ Không có kính, rồi xe không có đèn, ”

- Em hãy viết ba câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ gồm bốn dòng.
- KHổ thơ trên trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả?
- Hai câu thơ cuối của khổ thơ trên đã thể hiện tình cảm và ý chí gì của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn?

Câu 2. (1.0 điểm)

Chỉ ra yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong đoạn văn sau:

Trong giờ kiểm tra Toán, Hà gọi tôi:

- Mai ơi! Xong bài chưa? Cho mình xem bài với. Tôi trả lời:

- “Cậu tự làm đi”.

Nói rồi tôi tập trung làm bài. Hà gọi tôi vài ba lần nữa nhưng tôi giả vờ không nghe. Thực lòng tôi muốn Hà tự vươn lên bằng khả năng của mình. Nhưng trời ơi :

- Khó xử với tình bạn quá !

Tan buổi học, Hà gặp tôi giận dỗi rồi bỏ đi trước. Còn tôi đứng lại một mình với bao cảm xúc khó tả. Tại sao Hà lại giận mình nhỉ? Mình làm thế là tốt cho Hà mà. Hà ơi rồi cậu sẽ hiểu mình.

Câu 3. (2.0 điểm)

Tự lập là một trong những yếu tố cần thiết làm nên thành công. Em hãy viết một đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 15 - 20 dòng) nêu suy nghĩ của em về đức tính tự lập trong học tập.

Câu 4. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp, tính cách, tâm hồn của nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

Hết ./.

HƯỚNG DẪN CHẤM**A. Hướng dẫn chung:**

- Cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh cách đếm ý chấm điểm.
- Do đặc trưng bộ môn nên giáo viên chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm, khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

B. Hướng dẫn cụ thể (đáp án – biểu điểm):

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (2.0đ)	a. Chép tiếp các câu còn lại để hoàn chỉnh khổ thơ, yêu cầu chép chính xác, không sai lỗi chính tả. “Không có kính, rồi xe không có đèn, Không có mui xe, thùng xe có xước, Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước: Chỉ cần trong xe có một trái tim.”	1.0đ
	b. - Tên tác phẩm: Bài thơ về tiểu đội xe không kính	0.25đ
	- Tên tác giả: Phạm Tiến Duật	0.25đ
	c. Hai câu thơ cuối thể hiện: - Ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam - Tình yêu nước nồng nhiệt của lính lái xe Trường Sơn (của tuổi trẻ thời chống Mỹ)	0.25đ 0.25đ
Câu 2 (1.0đ)	* Yếu tố đối thoại: - Mai ơi! Xong bài chưa? Cho mình xem bài với. - “Cậu tự làm đi”.	0.25đ
	* Yếu tố độc thoại : - Khó xử với tình bạn quá !	0.25đ
	* Yếu tố độc thoại nội tâm: Tại sao Hà lại giận mình nhỉ? Mình làm thế là tốt cho Hà mà. Hà ơi rồi cậu sẽ hiểu mình.	0.5đ
Câu 3 (2.0đ)	Em hãy viết một đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 15 - 20 dòng) nêu suy nghĩ của em về đức tính tự lập trong học tập.	
	* Yêu cầu về kỹ năng: - Học sinh biết cách viết một đoạn văn nghị luận theo đúng yêu cầu của đề (khoảng 15-20 dòng). Bài văn có đầy đủ ba phần, giữa các câu trong đoạn phải đảm bảo tính liên kết.	

	- Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng.	
	* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý cơ bản sau:	
	1. Giới thiệu vấn đề: đức tính tự lập trong học tập	
	2. Triển khai vấn đề: - Tự lập là tự mình làm lấy mọi việc , tự lo liệu, tự hoàn thành công việc, không ỉ lại, không mong chờ hoặc phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người khác. - Tự lập trong học tập là thái độ chủ động, tích cực trong học tập, có động cơ và mục đích học tập rõ ràng, đúng đắn, không ỷ lại vào cha mẹ, dựa dẫm bạn bè, thầy cô. - Tự lập giúp học sinh có phương pháp học tập tốt, có kiến thức vững vàng, bản lĩnh khi tiếp thu tri thức và giải quyết vấn đề. Từ đó giúp học sinh đạt kết quả tốt, thành công trong học tập. - Tự lập không có nghĩa là cô lập, tự lập nhưng vẫn cần đến sự hỗ trợ của cha mẹ, thầy cô, bạn bè khi cần thiết, phù hợp và có giới hạn. - Để rèn luyện tính tự lập bản thân mỗi người phải có sự nỗ lực, cố gắng, có ý chí mạnh mẽ, vượt qua thử thách khó khăn. - Tự lập trong học tập là tự học, tự tìm tòi, nghiên cứu, tự làm bài khi có yêu cầu của giáo viên mà không trông chờ hay ỉ lại vào cha mẹ, bạn bè, giúp đỡ hay nhắc nhở. - Tầm gương tiêu biểu như thầy Nguyễn Ngọc Ký, vận động viên khuyết tật, ... - Trong cuộc sống: những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn nhờ có đức tính tự lập mà học tập thành công. - Phê phán: một số ít hs có thái độ ỉ lại, dựa dẫm, quay cóp, gian lận trong kiểm tra, thi cử. Người không có tính tự lập sẽ nhu nhược, dễ vấp ngã, thất bại vì thế chúng ta cần phê phán và lên án.	0.25đ
	3. Kết thúc vấn đề: Khẳng định vấn đề; nhận thức và hành động của bản thân . Cảm nhận của em về vẻ đẹp, tính cách, tâm hồn của nhân vật	1.5đ)
	3. Kết thúc vấn đề: Khẳng định vấn đề; nhận thức và hành động của bản thân .	0.25đ
	Cảm nhận của em về vẻ đẹp, tính cách, tâm hồn của nhân vật	
Câu 4 (5.0đ)	Phương Định trong truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.	
	* Yêu cầu về kỹ năng: Hiểu đúng yêu cầu của đề bài và vận dụng	

tốt kỹ năng làm bài nghị luận về nhân vật trong tác phẩm truyện; bài viết có kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả. * Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	
1. Giới thiệu chung: - Giới thiệu tác giả Lê Minh Khuê và tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác. - Cảm nhận chung về nhân vật Phương Định	0.5đ
2. Vẻ đẹp tính cách, tâm hồn của nhân vật: (4đ) a. Nội dung: * Cô gái có tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng: - Là cô gái Hà Nội, có ngoại hình đẹp. - Vào chiến trường đã ba năm, hằng ngày giáp mặt với hiểm nguy và cái chết nhưng vẫn không mất đi sự hồn nhiên, nhạy cảm, tâm hồn trong sáng và nhiều mơ mộng: + Nhạy cảm, thích quan tâm về hình thức, biết mình được nhiều anh chiến sĩ để ý thấy tự hào nhưng không vồn vã mà kín đáo, người không hiểu tưởng cô kiêu kì. + Hồn nhiên, hay mơ mộng và thích hát: thuộc rất nhiều bài hát, còn bịa ra lời để hát; thích ngồi bó gối mơ màng; say sưa tận hưởng cơn mưa đá khi vừa phá bom xong.	1.0đ
* Kiên cường, dũng cảm, bình tĩnh khi làm nhiệm vụ: - Ba năm sống và chiến đấu trong hoàn cảnh gian khổ, ác liệt nhưng cô không hề nao núng, chưa hề có một biểu hiện lung lay tinh thần, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. - Tính cách được bộc lộ trong một lần phá bom và cùng đồng đội phá bom: + Chấp hành sự phân công ở nhà, song cảm thấy không bằng lòng vì không được trực tiếp quan sát đợt ném bom của địch. + Cô rất gan dạ, dũng cảm, bình tĩnh trong từng thao tác phá bom. + Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc: phá bom căng thẳng, hồi hộp nhưng không phải sợ chết mà lo bom có nổ không, lo bị thương vì rất sợ điều trị ở trạm quân y làm khổ mọi người. * Tình đồng chí, đồng đội: (0.5đ) + Yêu mến, gắn bó thân thiết với chị Thao và Nho, có tình yêu	2.0đ

	thương đồng đội, lo lắng khi mọi người lên cao điểm chưa về, chăm sóc Nho khi bị thương. + Quý trọng tất cả các chiến sĩ bộ đội, khâm phục những người chiến sĩ có ngôi sao trên mũ.	0.5đ
	b. Nghệ thuật: - Ngôi kể thứ nhất, điểm nhìn từ nhân vật Phương Định - Truyện kể chân thực, sinh động, thành công trong việc miêu tả tâm lí nhân vật. - Ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp với nhân vật kể chuyện: tự nhiên, trẻ trung, nữ tính. Nhiều câu văn ngắn, nhịp nhanh phù hợp với không khí căng thẳng, khốc liệt nơi chiến trường.	0.5đ
	3. Đánh giá chung: - Khái quát cảm nhận chung về nhân vật - Liên hệ - nêu suy nghĩ của bản thân	

Tổ chuyên môn

BGH

Giáo viên ra đề

Hà Thị Luyến

Hà Thị Luyến

Câu 1. (2.0 điểm)

Cho đoạn văn sau:

“Chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở trong một cái hang dưới chân cao điềm. Con đường qua trước hang, kéo lên đồi, đi đến đầu đó, xa! Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lẫn lộn. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất.”

(Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam)

- Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả?
- Đoạn văn được kể theo lời của nhân vật nào?Ngôi thứ mấy?
- Nhận xét về nơi ở (hoàn cảnh sống) của các nhân vật trong đoạn văn trên ? Tìm những chi tiết trong đoạn văn để chứng minh.
- Em hiểu như thế nào về nhan đề của phẩm?

Câu 2. (1.0 điểm)

- Thế nào là hàm ý?
- Từ “ nhỏ bé ” trong câu thơ sau mang hàm ý gì ?

“ Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con. ”

(Y Phương, Nói với con)

Câu 3. (2.0 điểm)

Trò chơi điện tử là món tiêu khiển, hấp dẫn, trong đó, game online là trò chơi được các bạn học sinh yêu thích hiện nay. Nhiều bạn nghiện game online mà sao nhãng việc học và còn phạm những sai lầm khác. Em hãy viết một văn bản nghị luận xã hội (khoảng một trang giấy thi) nêu suy nghĩ về hiện trạng trên.

Câu 4. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí ” của Chính Hữu.

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,

Súng bên súng, đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

Đồng chí!

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

(Chính Hữu, Đồng chí)

Hết ./.

HƯỚNG DẪN CHẤM**A. Hướng dẫn chung:**

- Cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh cách đếm ý chấm điểm.
- Do đặc trưng bộ môn nên giáo viên chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm, khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

B. Hướng dẫn cụ thể (đáp án – biểu điểm):

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (2.0đ)	a. - Đoạn văn trên trích từ tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi” - Tác giả: Lê Minh Khuê	0.25đ 0.25đ
	b. - Đoạn văn được kể theo lời của nhân vật Phương Định - Ngôi thứ nhất	0.25đ 0.25đ
	c. - Hoàn cảnh sống (nơi ở) của ba cô gái TNXP rất nguy hiểm - Ở trong một cái hang dưới chân cao điểm. Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy...	0.25đ 0.25đ
	d. Nhan đề của tp là hình ảnh ẩn dụ đẹp để chỉ ba cô gái thanh niên xung phong Thao, Nho, Phương Định với những phẩm chất sáng ngời. Họ là những ngôi sao sáng trên bầu trời xa xôi, góp sức mình làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc trong cuộc kháng chiến trường kỳ.	0.5đ
Câu 2 (1.0đ)	a. Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.	0.5đ
	b. Hàm ý: người đồng mình tuy mộc mạc nhưng mạnh mẽ, giàu ý chí, niềm tin.	0.5đ
Câu 3 (2.0đ)	Em hãy viết một văn bản nghị luận xã hội (khoảng một trang giấy thi) nêu suy nghĩ về hiện trạng trên.	
	* Yêu cầu về kỹ năng: - Học sinh biết cách viết một văn bản nghị luận theo đúng yêu cầu của đề (khoảng một trang giấy thi). Bài văn có đầy đủ ba phần, giữa các câu, các đoạn phải đảm bảo tính liên kết. - Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng.	
	* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý cơ bản sau:	

Câu 4 (5.0đ)	1. Giới thiệu vấn đề: Tình trạng nghiện game online dẫn đến sao nhãng việc học và phạm những sai lầm khác của học sinh hiện nay.	0.25đ
	2. Triển khai vấn đề: - Giải thích: game online là trò chơi trực tuyến trên mạng in ter net, có nhiều trò chơi hấp dẫn như ... - Biểu hiện: Hay mệt mỏi khi đến lớp, ngủ gật, không chú ý vào việc học, cúp học, trốn tiết, lúc nào cũng nói chuyện về game .. - Nguyên nhân: tò mò, bị bạn bè rủ rê, khiêu khích, giải trí ; gia đình không quan tâm, buồn chuyện gia đình; các nhà chức trách chưa có biện pháp hữu hiệu để quản lí các tiệm in ter net và chưa kiểm soát được nội dung game online ... - Tác hại: ốm yếu, xanh xao, mắt kém, lơ là việc học, kết quả học tập thấp; tốn kém tiền bạc, thời gian, tính khí thất thường, chơi game bạo lực ảnh hưởng đến thần kinh, nhầm lẫn thực ảo, giải quyết mâu thuẫn cá nhân bằng bạo lực, ảnh hưởng đến phát triển nhân cách; không có tiền sinh ra tệ nạn trộm, cắp để thỏa mãn cơn nghiện game ... - Biện pháp khắc phục: giúp hs nhận thức đúng đắn mục đích, ý nghĩa của in ter net trong đời sống và học tập; gia đình dành nhiều thời gian quan tâm, chăm sóc; nhà nước phải có những quy định và quản lí chặt chẽ về dịch vụ kinh doanh in ter net; nhà trường động viên, giúp các em nhận thức được mặt tiêu cực của việc nghiện game on line , khích lệ các em tích cực trong học tập và làm những việc có ích, giáo dục các em lối sống lành mạnh, có lí tưởng, ước mơ; mỗi cá nhân học sinh phải biết làm chủ bản thân, chủ động trong học tập ... - Bàn luận: nhiều tấm gương hs vượt khó vươn lên trong học tập, tích cực tham gia hoạt động phong trào, luyện tập thể dục thể thao, làm nhiều việc có ích đáng để học tập.	1.5đ)
	3. Kết thúc vấn đề: Khẳng định vấn đề; nhận thức và hành động của bản thân . Cảm nhận của em về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí ” của Chính Hữu.	0.25đ
	* Yêu cầu về kỹ năng: Hiểu đúng yêu cầu của đề bài và vận dụng tốt kỹ năng làm bài nghị luận về bài thơ; bài viết có kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả. * Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	

1. Giới thiệu chung: Giới thiệu tác giả Chính Hữu và bài thơ, hoàn cảnh sáng tác. Qua đó, nêu vấn đề nghị luận.	0.5đ
2. Vẻ đẹp về hình ảnh người lính trong bài thơ: (4đ) a. Cơ sở hình thành tình đồng chí: - Tương đồng về cảnh ngộ xuất Thân - Cùng chung nhiệm vụ, mục đích, lí tưởng, sát cánh bên nhau trong chiến đấu, cùng chia sẻ gian lao. -> Tình đồng chí, đồng đội nảy nở bền chặt và thiêng liêng. Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt. - Nghệ thuật: thành ngữ “nước mặn đồng chua”, hình ảnh “đất cày lên sỏi đá”; Điệp từ “súng” và “đầu”; câu đặc biệt (cảm thán) “Đồng chí!” ...	1.5đ
b. Tình đồng chí được thử thách trong gian khổ, khó khăn (biểu hiện): - Cùng cảm thông và chia sẻ tâm tư, nỗi niềm của nhau. - Cùng chia sẻ bệnh tật, gian lao, thiếu thốn của đời lính. - Cùng cảm nhận được hơi ấm, niềm vui, sức mạnh của tình đồng chí. -> Họ vượt lên gian khổ, hiểm nguy bằng nụ cười lạc quan, bằng tình yêu thương sâu sắc của đồng đội. - Nghệ thuật: phép nhân hóa và cách dùng hình ảnh tượng trưng (hoán dụ) “giếng nước gốc đa”; hình ảnh tả thực: áo rách, quần vá, chân không giày; hình ảnh “tay nắm lấy bàn tay” ...	1.5đ
c. Biểu tượng đẹp của tình đồng chí: - Nổi bật trên nền rừng đêm là ba hình ảnh gắn kết bên nhau: người lính, khẩu súng, vầng trăng. Đây là bức tranh đẹp về tình đồng chí, biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ - thiên nhiên cùng con người hòa quyện, gắn kết bên nhau. - Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” mang ý nghĩa biểu tượng đầy chất thơ: súng và trăng là gần và xa, là thực tại và mơ mộng, là chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ ... - Nghệ thuật: hình ảnh mang tính biểu tượng, liên tưởng, tưởng tượng phong phú “Đầu súng trăng treo.” ...	1.0đ
3. Đánh giá chung:	0.5đ

	- Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. - Cảm nhận về hình ảnh người lính trong bài thơ.	
--	---	--

Tổ chuyên môn

BGH

Giáo viên ra đề

Hà Thị Luyện

Hà Thị Luyện

TRƯỜNG THCS PHÚ LONG

ĐỀ THAM KHẢO
ĐỀ 1

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2018 - 2019

MÔN THI: NGỮ VĂN

Thời gian: 120 phút không kể thời gian phát đề

Câu 1 (2 điểm): Cho khổ thơ sau:

*“Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.”*

- Khổ thơ trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
- Nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của khổ thơ trên.

Câu 2 (1 điểm): Chỉ ra lỗi liên kết trong đoạn văn sau:

Gần đây, cách ăn mặc của một số bạn có nhiều thay đổi, không còn giản dị và lành mạnh như trước nữa. Có bạn mặc mãi một kiểu áo không thay đổi gì cả. Thật là thiếu phong cách hiện đại. Nhà trường đang phát động phong trào ủng hộ thiên tai.

Câu 3 (2 điểm): Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề môi trường sống hiện nay.

Câu 4 (5 điểm): Suy nghĩ của em về tình cảm gia đình trong chiến tranh qua tác phẩm “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

----HẾT----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1 (2 điểm)

a. Khổ thơ trích trong tác phẩm “Sang thu”. (0.25)

Tác giả: Hữu Thỉnh (0.25)

Hoàn cảnh sáng tác: mùa thu 1977, sau khi đất nước độc lập. (0.5)

b. Giá trị nội dung (0.75): Sự chuyển biến của đất trời lúc sang thu được cảm nhận qua những dấu hiệu mong manh, mơ hồ: hương thơm của ổi chín ngọt ngào, sánh quện phả vào trong gió lan tỏa khắp không gian; gió se lạnh; sương chùng chình như cố ý di chuyển chậm lại. Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa được cảm nhận bằng nhiều giác quan cùng cảm giác ngỡ ngàng, bàng khuâng của tác giả.

Giá trị nghệ thuật (0.25): sử dụng từ ngữ giàu giá trị gợi hình, biểu cảm (động từ “phả”, từ láy chùng chình”), nghệ thuật nhân hóa (sương chùng chình)

Câu 2 (1 điểm)

Học sinh cần chỉ ra được đoạn văn mắc lỗi liên kết về nội dung. Các câu không cùng hướng về một chủ đề. Câu 1: nói về sự thay đổi trong cách ăn mặc; câu 2,3 nói về sự không thay đổi; câu 4 hoàn toàn không liên quan đến nội dung của những câu trước đó.

Câu 3 (2 điểm)

❖ **Về hình thức:** viết đoạn văn

❖ **Về nội dung:** Học sinh cần làm rõ một số nội dung cơ bản sau:

➤ **Nêu vấn đề:** Giới thiệu vấn đề bàn luận

➤ **Giải quyết vấn đề**

- Môi trường là gì? Đó là toàn bộ các yếu tố tự nhiên, xã hội bao quanh chúng ta. Nó có tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của con người.
- Khái quát vai trò của môi trường sống.
- Thực trạng môi trường sống hiện nay: ô nhiễm trầm trọng: đất đai cằn cỗi, nhiễm hóa chất; nguồn nước, không khí đều bị ô nhiễm (dẫn chứng)
- Tác hại:
 - + Mất mỹ quan môi trường sống
 - + Môi trường bị hủy hoại, gây ra hạn hán, lũ lụt, biến đổi khí hậu...
 - + Ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống con người
 - + Tài nguyên thiên nhiên dần cạn kiệt
 - + Gây ra nhiều căn bệnh nguy hiểm: ung thư, bệnh về đường hô hấp...

- Nguyên nhân:
 - + Ý thức nhiều người còn kém, chưa tự giác trong vấn đề bảo vệ môi trường.
 - + Nhiều người vì lợi ích cá nhân mà hủy hoại môi trường sống
 - + Chất thải từ các nhà máy, xí nghiệp chưa được xử lí
 - + Các cơ quan chức năng chưa xử lí nghiêm các trường hợp vi phạm..
- Giải pháp: đẩy mạnh tuyên truyền, cá nhân tự nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; xử lí nghiêm các trường hợp vi phạm...
 - **Kết thúc vấn đề:** khẳng định lại vấn đề. Liên hệ bản thân

Câu 4 (5 điểm)

- ❖ **Về hình thức:** bài viết có bố cục ba phần, trình bày rõ ràng, mạch lạc.
- ❖ **Về nội dung:** cần làm rõ một số nội dung sau:

A. Mở bài: (0.5)

- Đề tài: tình cảm gia đình
- Giới thiệu tác giả, tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác tác phẩm)
- Cảm nhận chung về tác phẩm: tình cha con sâu sắc, cảm động giữa 2 cha con ông Sáu – bé Thu.

B, Thân bài: (4đ)

❖ Khái quát hoàn cảnh xa cách của cha con ông Sáu (0.25)

- Ông Sáu đi kháng chiến khi đứa con đầu lòng (bé Thu) chưa đầy một tuổi.
- Bé Thu dần lớn lên trong tình yêu của má nhưng em chưa một lần được gặp ba, em chỉ biết ba qua tấm hình chụp chung với má.
- Khi Thu lên 8 tuổi, ông Sáu mới có dịp về thăm nhà, thăm con.

❖ Tình cảm cha con sâu nặng giữa ông Sáu - bé Thu (3đ)

- * Tình yêu của Thu dành cho cha hồn nhiên mà sâu sắc.
- Trước khi nhận ra cha
- + Ngỡ ngàng, ngạc nhiên khi thấy ông Sáu gọi mình là con.
- + Em cương quyết không nhận ông Sáu là cha, nói trống không, đối xử lạnh lùng như với người xa lạ (khi thấy ông không giống với người trong tấm hình chụp chung với má).
- + Em phản ứng một cách quyết liệt, bướng bỉnh , thái độ cự tuyệt (để bảo vệ tình yêu em dành cho ba...): hất cái trứng cá mà ông Sáu gắp cho, bỏ về nhà ngoại.

- Khi nhận ra cha:
- + Em ân hận trần trọc không ngủ được khi được ngoại giảng giải.
- + Lúc chia tay, tình yêu ba kìm nén bấy lâu trời dậy, trào dâng mạnh mẽ. Em gọi “ba”, ôm ba, hôn ba cùng khắp, hôn cả lên vết sẹo dài đã từng làm em sợ hãi, em không cho ba đi...

* Ông Sáu luôn dành cho bé Thu một tình yêu thương đặc biệt:

- Khi về phép:
- + Mong sớm được gặp con.
- + Khi được về thăm nhà, ông không đi đâu, chỉ quanh quẩn ở nhà để được gần con.
- + Ông vô cùng đau khổ khi thấy con lạnh lùng (khi con cương quyết không chịu gọi “ba”). Đau khổ, thất vọng, trong lúc tức giận, ông đánh con.
- + Xúc động, vui sướng tột cùng khi con gọi tiếng “ba”
- Ở chiến khu:
- + Ân hận vì đã đánh con.
- + Ông dồn hết tình yêu thương con vào việc tự tay làm chiếc lược ngà cho con.
- + Trước khi nhắm mắt, ông cố gửi cho con kỉ vật cuối cùng...
- => Chiếc lược ngà trở thành biểu tượng của tình phụ tử thiêng liêng, bất diệt trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

❖ **Suy nghĩ về tình cảm gia đình trong chiến tranh: (0.25)**

- Cảm động trước tình cha con sâu nặng.
- Là tình cảm thiêng liêng của mỗi con người.
- Trong hoàn cảnh chiến tranh tàn khốc, tình cảm gia đình càng được thử thách càng trở nên thiêng liêng hơn.
- Tình cảm gia đình tạo nên sức mạnh, nghị lực, niềm tin để con người vượt qua mọi khó khăn, thử thách.
- Tình cảm gia đình, tình cha con đã hòa quyện trong tình yêu quê hương đất nước.

❖ **Đặc sắc nghệ thuật (0.5)**

- Tạo dựng tình huống truyện éo le
- Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật
- Lựa chọn ngôi kể phù hợp.

C. Kết bài: (0.5 đ)

- Khẳng định giá trị đặc sắc của tác phẩm
- Liên hệ, suy nghĩ của bản thân.

Câu 1(1.5 điểm):

- Chép thuộc lòng khổ thơ cuối trong bài “Ánh trăng” của Nguyễn Duy.
- Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng trong bài thơ.

Câu 2 (1.5 điểm):

- Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý.
- Tìm hàm ý của Lỗ Tấn qua việc ông so sánh “hi vọng” với “con đường” trong các câu sau:

Tôi nghĩ bụng: Đã gọi là hi vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư. Cũng giống như những con đường trên mặt đất; kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi.

(Cố hương, Lỗ Tấn)

Câu 3 (2 điểm): Tổ Hữu quan niệm:

Nếu làm con chim, chiếc lá,

Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh.

Lẽ nào vay mà không có trả

Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình?.”

(Một khúc ca xuân)

Trình bày suy nghĩ của em.

Câu 4 (5 điểm): Phân tích bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh để thấy sự vận động trong mạch cảm xúc của bài thơ.

---- HẾT ----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1 (1.5 điểm):

a. Chép khổ thơ cuối bài “Ánh trăng” (Nguyễn Duy) (0.75 đ)

Trăng có tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

b. Ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng (0.75 đ), mỗi ý được 0.25 đ.

- + Vầng trăng là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của thiên nhiên, của đời sống con người.
- + Trăng là hình ảnh của người bạn tri kỉ.
- + Trăng biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình.
⇒ Củng cố thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”.

Câu 2 (1.5 điểm):

a. Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý: (1 đ)

Nghĩa tường minh	Hàm ý
Là phân thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.	Là phân thông báo không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

b. hàm ý (0. 5 đ): Không thể nói hi vọng là thực hay hư nhưng nếu cố gắng, nỗ lực thực hiện thì sẽ trở thành hiện thực.

Câu 3 (2 điểm) :

- **Yêu cầu về hình thức :** viết đoạn văn hoặc bài văn ngắn. Trình bày rõ ràng, mạch lạc, lập luận thuyết phục, dẫn chứng cụ thể.
- **Yêu cầu về nội dung :**
 - Nêu vấn đề : giới thiệu về lễ sống công hiến và câu nói của Tố Hữu.
 - Giải quyết vấn đề :

- + Giải thích ý nghĩa câu nói của Tô Hữu : sống phải biết hiến dâng cho cuộc đời, cũng như có « vay » thì phải có « trả », không chỉ biết nhận mà cần phải biết cho đi.
- + Đó là tư tưởng, lối sống đúng đắn, tích cực vì chỉ khi ta biết cống hiến những điều có ích cho cuộc đời, cuộc sống mới trở nên ý nghĩa hơn. Điều đó cũng góp phần làm đẹp cho cuộc đời.
- + Lý tưởng và lẽ sống của tuổi trẻ VN là chứa đựng tình yêu đối với cuộc đời, và khát vọng được hiến dâng những gì tốt đẹp nhất của mình để chung tay xây đắp quê hương...Niềm hạnh phúc khi sống có ích, góp phần làm đẹp cuộc đời từ những việc nhỏ. Nó thể hiện ý thức trách nhiệm của mỗi con người với chính mình, với cuộc đời. (Dẫn chứng)
- + Phê phán những người lười biếng, sống buông thả, không hoài bão, ước mơ hoặc thiếu ý chí, tự ti, ích kỉ, ăn bám gia đình, xã hội...
- + Rút ra bài học nhận thức để có hướng phấn đấu, rèn luyện của tuổi trẻ VN (trở thành người có ích cho gia đình và xã hội...)
- Kết thúc vấn đề : khẳng định lại tính đúng đắn, cần thiết của vấn đề. Liên hệ bản thân.

Câu 4 (5 điểm) :

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết viết một bài văn nghị luận văn học kết hợp nhiều thao tác lập luận.
- Bố cục rõ ràng, kết cấu bài viết chặt chẽ, diễn đạt trong sáng và giàu sức biểu cảm.
- Học sinh có thể phân tích từng khổ thơ, sau đó nêu lên sự phát triển của mạch cảm xúc qua các khổ thơ ấy. Hoặc có thể phân tích cả bài thơ, cuối cùng mới nêu lên sự vận động, phát triển của mạch cảm xúc từ đầu đến cuối bài thơ.

2. Yêu cầu về kiến thức:

Để thực hiện yêu cầu của đề bài, học sinh không chỉ phân tích bài thơ mà còn phải thấy được sự vận động của mạch cảm xúc qua từng khổ thơ.

A. Mở bài: (0.5)

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm (hoàn cảnh sáng tác)
- Cảm nhận chung về tác phẩm.

B. Thân bài (4 đ)

*** Khổ 1:**

- Sự biến đổi của đất trời sang thu được nhà thơ cảm nhận qua những tín hiệu mong manh, mơ hồ: mùi hương trong không gian: hương ổi phả vào trong gió se.
- Dấu hiệu sang thu được cảm nhận qua hình ảnh: sương chùng chình. Cảm nhận từ khứu giác chuyển sang thị giác, xúc giác.
- Tâm trạng băng khuâng, ngỡ ngàng của tác giả được thể hiện qua các từ: “bỗng”, “hình như”.

*** Khổ 2:**

- Dấu hiệu mùa thu dường như rõ rệt hơn qua các hình ảnh: “dòng sông”, “cánh chim”, “mây mùa hạ” đang dần chuyển mình sang thu. Cái oi bức của mùa hạ cũng sắp qua và cái dịu êm của mùa thu cũng đã đến.
 - Các từ láy “dềnh dàng”, “vội vã” có giá trị gợi tả.
 - Cụm từ “vắt nửa mình” nhân hóa đám mây khá độc đáo, thú vị và có sức gợi cảm.
- => Sự vận động của mạch cảm xúc từ khổ thơ 1 sang khổ thơ 2 :
- Cảm nhận của nhà thơ được mở rộng theo chiều rộng của không gian từ gần đến xa, không chỉ là những hình ảnh thiên nhiên nơi đầu thôn ngõ xóm mà giờ đây, thu đã lan toả trong cả đất trời.
 - Bức tranh mùa thu đã hiện ra khá rõ nét chứ không còn mơ hồ như ở khổ thơ đầu.
 - Từ cảm giác ngỡ ngàng băng khuâng đến sự nuối tiếc nhẹ nhàng của lòng người vào khoảnh khắc giao mùa.

*** Khổ 3:**

- Không gian thu đến đây được tác giả cảm nhận qua các hình ảnh của thiên nhiên, vũ trụ: *nắng, mưa, sấm*.
 - Đất trời đang làm một cuộc chuyển giao kì diệu, tất cả điều đó được tác giả cảm nhận bằng một tâm hồn rung động tinh tế, giàu tình yêu thiên nhiên.
 - Các từ ngữ “*vẫn còn*”, “*đã vơi dần*”, “*cũng bớt bất ngờ*” đã gợi tả rất hay cảm giác về sự hiện hữu của sự vật trong thời gian và không gian ấy.
 - Những hình ảnh: “*nắng*”, “*mưa*”, “*sấm*” vừa có ý nghĩa tả thực vừa mang nghĩa ẩn dụ. “*Sấm*” tượng trưng cho những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời; “*hàng cây đứng tuổi*” tượng trưng cho những con người từng trải, được tôi luyện trong những thăng trầm gian khổ (có thể là người lính cách mạng từng đi qua chiến tranh). Với những hình ảnh này, nhà thơ muốn gợi nhắc suy ngẫm: khi con người đã từng trải thì cũng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.
- => Sự vận động của mạch cảm xúc từ khổ thơ 1, 2 sang khổ thơ 3 :
- Thu đã lan toả vào cả đất trời và đã trở nên rõ nét hơn (vận động cả về thời gian và không gian).
 - Từ chỗ hướng ngoại, tứ thơ đã chuyển sang hướng nội, chính điều này đã làm cho bài thơ kết thúc để lại những ấn tượng lắng đọng trong lòng người.
 - Từ những cảm nhận về thiên nhiên, nhà thơ đã chuyển sang những suy ngẫm về con người và cuộc đời.

*** Khái quát đặc sắc nghệ thuật bài thơ:**

Bài thơ vận dụng khéo léo thể thơ 5 chữ với giai điệu nhẹ nhàng, sâu lắng; sử dụng nhiều từ ngữ giàu giá trị gợi hình, biểu cảm kết hợp nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ và sự liên tưởng độc đáo, đầy sáng tạo.

C. Kết bài (0.5)

- Đánh giá khái quát về bài thơ:
- Ấn tượng của bản thân

Câu 1 (2.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

a. Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

b. Hãy tìm cặp đại từ nhân xưng trong đoạn thơ trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của cặp đại từ nhân xưng đó?

Câu 2 (1.0 điểm)

Tìm thành phần gọi – đáp trong câu ca dao sau và cho biết lời gọi – đáp đó hướng đến ai?

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

(Ca dao)

Câu 3 (2.0 điểm)

Viết một đoạn văn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước?

Câu 4 (5.0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp, tính cách, tâm hồn của nhân vật Phương Định trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của nhà văn Lê Minh Khuê.

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1	Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi	2.0 đ
	a) - Tên tác phẩm: Viếng lăng Bác - Tên tác giả: Viễn Phương - Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1976, sau khi kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, đất nước thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa khánh thành, Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ. Bài thơ <i>Viếng lăng Bác</i> được sáng tác trong dịp đó và in trong tập thơ <i>Như mây mùa xuân</i> (1978).	0.25 đ 0.25 đ 0.5 đ
	b) - Cấp đại từ xưng hô: con – Bác - Hiệu quả nghệ thuật: lối xưng hô thể hiện tình cảm tôn kính, thương yêu, gần gũi như với người ruột thịt. Đây không chỉ là cách xưng hô của tác giả mà còn là cách xưng hô của triệu con người Việt Nam với Bác.	0.5 đ 0.5 đ
Câu 2	Tìm thành phần gọi – đáp trong câu ca dao sau và cho biết lời gọi – đáp đó hướng đến ai?	1.0 đ
	- Thành phần gọi – đáp: Bầu ơi - Lời gọi – đáp hướng đến tất cả mọi người. Câu ca dao khuyên răn mọi người phải yêu thương đùm bọc lẫn nhau.	0.5 đ 0.5 đ
Câu 3	Viết một đoạn văn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước?	2.0 đ
	* Yêu cầu về kỹ năng: - Học sinh biết cách viết một văn bản nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý theo đúng yêu cầu của đề (khoảng 1 trang giấy thi; văn bản có đủ ba phần: nêu vấn đề, triển khai vấn đề, kết thúc vấn đề; các câu đảm bảo tính liên kết). - Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng. * Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện sự suy nghĩ của bản thân về lòng yêu nước; đảm bảo các ý cơ bản sau:	
	1. Nêu vấn đề: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận. 2. Triển khai vấn đề: (lí lẽ có kèm dẫn chứng) * Giải thích: Lòng yêu nước là tình yêu đối với quê hương, đất nước, là hành động, không ngừng nỗ lực để xây dựng và phát triển đất nước. Lòng yêu nước là tình cảm thiêng liêng cao quý của mỗi người. * Biểu hiện: - Trong thời kì chiến tranh: Yêu nước là đứng lên cầm súng ra	0.25đ 1.5đ

	chiến trường để chống lại kẻ thù. Không ngại khó khăn gian khổ mà xông lên giành độc lập cho dân tộc (có thể dẫn chứng một số tấm gương hy sinh anh dũng). - Trong thời bình: Lòng yêu nước thể hiện trong công việc và trong cuộc sống là không ngừng nỗ lực để góp phần đưa đất nước phát triển. Yêu nước là tin tưởng con đường Xã hội chủ nghĩa. Yêu nước còn thể hiện qua những tình cảm giản dị, gần gũi: yêu gia đình, yêu thiên nhiên... * Lí giải: Nêu vai trò của lòng yêu nước - Lòng yêu nước giúp bồi dưỡng tâm hồn con người trở nên vững vàng, mạnh mẽ. - Lòng yêu nước là động lực giúp con người sống có trách nhiệm hơn với gia đình, quê hương, đất nước, cộng đồng. * Phê phán: Phê phán những kẻ phản động, xuyên tạc đường lối của Đảng. - Trách nhiệm của chúng ta: Không ngừng học tập, rèn luyện để trở thành những con người có ích cho đất nước; bảo vệ môi trường,... 3. Kết thúc vấn đề - Khẳng định tình yêu quê hương đất nước, kêu gọi mọi người bảo vệ, dựng xây đất nước. - Liên hệ bản thân.	0.25đ
Câu 4	Cảm nhận của em về vẻ đẹp, tính cách, tâm hồn của nhân vật Phương Định trong truyện ngắn <i>Những ngôi sao xa xôi</i> của nhà văn Lê Minh Khuê.	5.0đ
	Mở bài: - Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn. - Truyện <i>Những ngôi sao xa xôi</i> là một trong những tác phẩm đầu tay của chị, viết 1971, lúc cuộc kháng chiến của dân tộc đang diễn ra ác liệt. - Cảm nhận chung về nhân vật Phương Định.	0.5đ
	Thân bài: *Cô gái có tâm hồn trong sáng - Là cô gái Hà Nội có ngoại hình đẹp. - Phương Định là con gái Hà Nội vào chiến trường. Cô có một thời học sinh hồn nhiên, vô tư bên mẹ và thành phố thanh bình. - Vào chiến trường đã ba năm, hằng ngày giáp mặt với hiểm nguy và cái chết nhưng vẫn không mất đi sự hồn nhiên, nhạy cảm, tâm hồn trong sáng và nhiều mộng mơ: + Nhạy cảm, thích quan tâm về hình thức, biết mình được nhiều người để ý thấy tự hào nhưng không vồn vã mà kín đáo, người không hiểu tưởng cô kiêu kì. + Hồn nhiên, hay mơ mộng và thích hát (thích hát, thuộc rất nhiều bài hát, còn bịa ra lời để hát; thích ngồi bó gối mơ màng;	1.0đ

	say sưa tận hưởng cơn mưa đá khi vừa phá bom xong). + Yêu mến, gắn bó thân thiết với hai đồng đội trong tổ. Tình yêu thương đồng đội, chăm sóc cho Nho bị thương,... + Quý trọng tất cả các chiến sĩ bộ đội, nhất là các anh bộ đội có ngôi sao trên mũ. * Người chiến sĩ thanh niên xung phong kiên cường, quả cảm - Ba năm sống và chiến đấu trong hoàn cảnh gian khổ, ác liệt nhưng cô không hề nao núng, chưa hề có một biểu hiện lung lay tinh thần, luôn hoàn thành công việc được giao. - Tính cách bộc lộ trong một lần máy bay địch đánh phá và cùng đồng đội phá bom: + Chấp hành sự phân công ở nhà, song cảm thấy không bằng lòng vì không được trực tiếp quan sát cuộc ném bom của địch. + Cô rất gan dạ, dũng cảm, bình tĩnh trong từng thao tác phá bom. + Tinh thần trách nhiệm cao với công việc (việc phá bom căng thẳng, hồi hộp nhưng không phải sợ chết mà lo “<i>bom có nổ không</i>”, lo bị thương vì rất sợ điều trị ở trạm quân y làm khổ mọi người). * Nghệ thuật - Ngôi kể thứ nhất, điểm nhìn từ nhân vật Phương Định. - Truyện kể chân thực sinh động; miêu tả tâm lí nhân vật sống động. - Ngôn ngữ và giọng điệu rất phù hợp với nhân vật kể chuyện: tự nhiên, trẻ trung, nữ tính. Đặc biệt với nhiều câu ngắn phù hợp với không khí căng thẳng, khẩn trương nơi chiến trường	2.0đ 1.0đ
	Kết bài: - Khẳng định tâm hồn trong sáng, sự hồn nhiên và tính cách dũng cảm, lạc quan của Phương Định. - Đó là hình ảnh đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ. - Liên hệ - nêu suy nghĩ bản thân	0.5đ

.....Hết.....

(ĐỀ 1)

A. Mục tiêu :

1. Kiến thức

- Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam trong chương trình Ngữ Văn 9.

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện và đánh giá kỹ năng viết văn (sử dụng từ ngữ, viết câu...) từ những kiến thức đã học về Tiếng Việt, TLV.

3. Thái độ :

- Đánh giá kết quả học tập, năng lực vận dụng kiến thức và trình bày bài làm của **học sinh**.

B. Ma trận

Hình thức: Tự luận

KHUNG MA TRẬN

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
Chủ đề 1 Văn học	Nhớ tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác bài thơ	Tìm đại từ trong đoạn thơ			
Số câu, Số điểm, Tỉ lệ %	1 1.0	1 1.0			Số câu : 2 Số điểm :1.0 Tỉ lệ:20%
Chủ đề 2 Tiếng việt Thành phần biệt lập		Tìm được tên tác phẩm gọi-đáp và hiểu được tác dụng.			

Số câu, Số điểm, Tỉ lệ %		1 1.0			Số câu : 1 Số điểm :1.0 Tỉ lệ :10 %
Chủ đề 3 Nghị luận xã hội			Viết 1 đoạn văn nghị luận xã hội		
Số câu, Số điểm, Tỉ lệ			Số câu: 1 Số điểm:2.0 Tỉ lệ : 20%		Số câu: 1 Số điểm:2.0 Tỉ lệ : 20%
Chủ đề 4 Nghị luận văn học				Bài văn nghị luận phân tích nhân vật	
Số câu, Số điểm, Tỉ lệ				Số câu: 1 Số điểm:5.0 Tỉ lệ : 50%	Số câu: 1 Số điểm:5.0 Tỉ lệ : 50%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 1 Số điểm:1.0 Tỉ lệ: 10%	Số câu : 2 Số điểm: 2.0 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Số điểm:3.0 Tỉ lệ : 30%	Số câu : 1 Số điểm :5.0 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 4 Số điểm:10 Tỉ lệ: 100%

TRƯỜNG THCS TRẦN ĐẠI NGHĨA KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
ĐỀ THAM KHẢO NĂM HỌC 2018 - 2019
ĐỀ 2 MÔN THI: NGỮ VĂN
Thời gian: 120 phút không kể thời gian phát đề

Câu 1 (1 điểm): Viết bốn câu cuối bài thơ *Nói với con* của Y Phương và cho biết người cha dặn con điều gì trong bốn câu thơ ấy?

Câu 2 (1 điểm): Kể tên các thành phần biệt lập và tìm thành phần biệt lập trong đoạn văn sau và cho biết tên gọi của thành phần ấy.

Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chìa tay ra cho anh nắm, cẩn trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ không phải là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt anh – những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy.

(Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long)

Câu 3 (3 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 12-15 dòng) nêu suy nghĩ của em về vấn đề: *Tuổi trẻ và tương lai đất nước*.

Câu 4 (5 điểm): Cảm nhận của em về hai khổ thơ:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng*

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...*

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Giám khảo cần nắm nội dung bài làm của học sinh để đánh giá, tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc. Chú ý khuyến khích các bài viết có ý riêng, sáng tạo.

Thí sinh có thể trình bày, triển khai ý theo các cách riêng, nếu đáp ứng các yêu cầu vẫn cho đủ điểm.

II. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

ĐÁP ÁN		ĐIỂM
Câu 1	Viết thuộc lòng bốn câu thơ cuối bài thơ <i>Nói với con</i> của Y Phương và cho biết người cha dặn con điều gì trong bốn câu thơ ấy?	1.0
	- Viết thuộc lòng bốn câu thơ: <i>Con ơi tuy thô sơ da thịt Lên đường Không bao giờ nhỏ bé được Nghe con.</i>	0.5
	- Người cha khuyên con bước vào đời luôn vững tin, mạnh mẽ, sống đường hoàng, vững chãi.	0.5
	- <i>Viết chính xác 4 câu thơ: sai một lỗi trừ 0.25 điểm. - Về lời khuyên: chấp nhận những ý hợp lý khác; nêu 1 ý đạt 0.25 điểm</i>	
Câu 2	Kể tên và tìm thành phần biệt lập.	1.0
	- Kể tên 4 thành phần biệt lập: tình thái, gọi đáp, phụ	

	chú, cảm thán. - Thành phần phụ chú: <i>những người con gái sắp xa ta biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy.</i>	
	- Gọi tên mỗi thành phần biệt lập đạt 0.25 điểm; Tìm ra tên thành phần biệt lập trong câu văn đạt 0.5 điểm; chỉ rõ từ ngữ đạt 0.5 điểm, nêu thừa hoặc thiếu 0.25 điểm.	
Câu 3	Về hình thức: Học sinh biết cách viết đoạn văn. Có mở đoạn, kết đoạn, dùng từ chính xác, trong sáng... Về nội dung cần đảm bảo một số yêu cầu sau: - Nêu vai trò của tuổi trẻ với tương lai đất nước. - Giải thích: Tuổi trẻ Tuổi trẻ là gì? là lứa tuổi đẹp nhất của mỗi con người. Thế hệ học sinh chúng ta, những sinh viên, những kỹ sư, ... chính là tuổi trẻ. Tương lai đất nước là gì? - Tại sao nói “Tuổi trẻ là tương lai đất nước”? + Tuổi trẻ bao giờ cũng dồi dào sức khỏe, có đủ nhiệt tình để cống hiến cho quê hương, đất nước. + Tuổi trẻ không bao giờ thiếu ước mơ và sự sáng tạo. + Có nhiệt huyết, sự táo bạo và sẵn sàng dấn thân để đến những nơi khó khăn và làm những việc khó. - Tuổi trẻ nước ta trong quá khứ đã cống hiến cho đất nước như thế nào? (kể về một số tấm gương mà em biết, như: Trạng Hiền, Chị Võ Thị Sáu, Trần Quốc Toản, Lê Văn Tám, Nguyễn Văn Trỗi, Lê Bá Khánh Trình,...). Trong thời đại ngày nay... - Bình luận đánh giá, phê phán. - Tuổi trẻ hôm nay cần làm gì để cống hiến cho đất nước? + Ra sức học tập. + Tham gia tích cực các hoạt động xã hội.	3.0

	+ Thi đua lập thành tích trong mọi lĩnh vực của đời sống. + Chủ động tiếp nhận và gánh vác dần những công việc của thế hệ trước. - Tuy nhiên, tuổi trẻ cũng cần khắc phục nhược điểm không có lợi cho bản thân và tương lai của đất nước (sự bông bột, thói ỷ lại, thói ăn chơi sa đọa,...). Tuổi trẻ phải ước mơ, phải khát khao cống hiến. Có như vậy, cuộc sống mới dồi dào ý nghĩa.	
Câu 4	Cảm nhận về 2 khổ thơ đầu bài “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải.	5.0
	a. Yêu cầu về kĩ năng - Nắm phương pháp làm bài nghị luận văn học. - Bố cục và hệ thống ý sáng rõ. - Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Đặc biệt, phải nắm vững thao tác phân tích một đoạn trích thơ. - Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. - Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ; trình bày bài rõ ràng.	
	b. Yêu cầu về kiến thức - Giới thiệu vài nét về tác giả Thanh Hải và tác phẩm <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>. - Giới thiệu hai khổ thơ đầu	
	- Hình ảnh mùa xuân thiên nhiên đầy sức sống, tươi đẹp, thơ mộng, giàu hình ảnh, màu sắc, âm thanh. - Không khí lao động khẩn trương, tươi vui, đầy niềm tin, lạc quan của người lính cầm súng chiến đấu bảo vệ tổ quốc và của người nông dân lao động sản xuất xây dựng đất nước. - Mùa xuân của thiên nhiên hòa cùng mùa xuân của con người, của lòng người tạo nên một không khí vui	

	tươi, đầy sức sống. - Cảm xúc rung động, say sưa, ngây ngất của tác giả trước mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân của con người. - Nghệ thuật: hình ảnh thơ giàu sức gợi, các biện pháp tu từ được sử dụng hiệu quả, từ ngữ tinh tế ... <i>Lưu ý: Học sinh có thể triển khai các luận điểm trên theo nhiều cách khác nhau: cảm nhận về nội dung sau đó cảm nhận về nghệ thuật, phân tích nghệ thuật để nêu bật nội dung... Giám khảo đánh giá mức điểm dựa trên kỹ năng làm bài và nội dung toàn bài của học sinh.</i> - Đánh giá, khái quát, được những vấn đề đã bàn luận.	

.....Hết.....

A. Mục tiêu :

1. Kiến thức

- Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam trong chương trình Ngữ Văn 9, học kì II.

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện và đánh giá kỹ năng viết văn (sử dụng từ ngữ, viết câu...) từ những kiến thức đã học về Tiếng Việt, TLV.

3. Thái độ :

- Đánh giá kết quả học tập, năng lực vận dụng kiến thức và trình bày bài làm của *học sinh*.

B. Ma trận

Hình thức: Tự luận

KHUNG MA TRẬN

Chủ đề 1 Văn học thơ hiện đại	Nhớ đoạn thơ	Hiểu ý nghĩa đoạn thơ			
Số câu, Số điểm, Tỉ lệ %	1 0.5	1 0.5			Số câu : 1 1 điểm Tỉ lệ:10%
Chủ đề 2 Tiếng việt Thành phần biệt lập	Kể tên thành phần biệt lập	Nhận ra thành phần biệt lập có trong câu			
Số câu, Số điểm, Tỉ lệ %	1 0.5	1 0.5			Số câu : 1 Số điểm :1 Tỉ lệ :10 %

Chủ đề 3 Nghị luận xã hội			Viết 1 đoạn văn nghị luận xã hội		
Số câu, Số điểm, Tỉ lệ			Số câu: 1 Số điểm:3 Tỉ lệ : 30%		
Chủ đề 4 Nghị luận về đoạn thơ,bài thơ				Viết bài nghị luận về một đoạn thơ,bài thơ: Mùa xuân nhỏ nhỏ	
Số câu, Số điểm, Tỉ lệ				Số câu: 1 Số điểm:5 Tỉ lệ : 50%	
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 1 Số điểm:1 Tỉ lệ: 10%	Số câu : 1 Số điểm: 1 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Số điểm:3 Tỉ lệ : 30%	Số câu : 1 Số điểm : 5 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 4 Số điểm:10 Tỉ lệ: 100%

TRƯỜNG THCS THUẬN GIAO

**ĐỀ THAM KHẢO
ĐỀ 1**

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2018 - 2019

MÔN THI: NGỮ VĂN

Thời gian: 120 phút không kể thời gian phát đề

Câu 1: (1 điểm)

Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu sau:

Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ, cũng như các vị danh nho xưa, hoàn toàn không phải là một cách tự thân thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác.

a) Đoạn văn được trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b) Em hiểu như thế nào về phong cách của Hồ Chí Minh?

Câu 2: (1 điểm)

Chỉ ra và giải thích lỗi sai giữa các câu trong đoạn văn:

Những ngày đầu năm, khắp làng bản Việt Nam rộn ràng tiếng trống hội xuân thúc giục lòng người. Đầu xuân, bên cạnh hoạt động lễ nghi mang ý nghĩa tín ngưỡng, còn có nhiều hội vui và các trò chơi truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 3: Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về “Lòng nhân hậu” trong cuộc sống con người. (3 điểm)

Câu 4: Em hãy cảm nhận và suy nghĩ về bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của nhà thơ Phạm Tiến Duật. (5 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ NGHỊ TUYỂN SINH 10
NĂM HỌC 2018-2019
MÔN: NGỮ VĂN 9
THỜI GIAN: 120 phút

Câu 1:

- a) - Đoạn văn trích từ tác phẩm “Phong cách Hồ Chí Minh” (0.25 điểm)
- Tác giả Lê Anh Trà(0.25 điểm)
- b) Phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa nhân loại, giữa thanh cao và giản dị. (0.5 điểm)

Câu 2: (1.0 điểm)

- Lỗi sai “Đầu xuân” →lỗi lặp từ với câu trước

Câu 3:

A. Yêu cầu về kỹ năng: (0.5 điểm)

- Học sinh biết viết 1 đoạn văn nghị luận đạo lý theo đúng yêu cầu của đề (khoảng 15- 20 dòng; đoạn văn phải đảm bảo có đủ 3 phần: nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, kết thúc vấn đề; các câu phải đảm bảo tính liên kết)
- Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả. Chữ viết rõ ràng.

B. Yêu cầu về kiến thức: (2.5 điểm)

- Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau
 - Nêu vấn đề: (0.25 điểm)Trong cuộc sống cần có lòng nhân hậu giữa con người với con người
 - Triển khai vấn đề:
 - Lòng nhân hậu là tấm lòng yêu thương con người, biết cảm thông chia sẻ khó khăn hoạn nạn.
 - Lòng nhân hậu vốn là truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam góp phần làm nên phẩm giá con người.
 - Sử dụng dẫn chứng để chứng minh.
 - Người có lòng nhân hậu sẽ được sự tôn trọng tin yêu của mọi người.
 - Kết thúc vấn đề: (0.25 điểm)
 - Khẳng định lại giá trị của vấn đề
 - Nêu suy nghĩ, hành động của bản thân.

Câu 4: (5 điểm)

A. Yêu cầu về kỹ năng:

- Hiểu đúng yêu cầu của đề bài, vận dụng tốt kỹ năng làm bài nghị luận văn học, kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả.

B. Yêu cầu về kiến thức:

Bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản

1. Mở bài: (0.5 điểm)

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Giới thiệu về hình ảnh người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ cứu nước với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.

2. Thân bài: (4 điểm)

- Những chiếc xe không kính trên tuyến đường Trường Sơn đầy mưa bom bão đạn.
 - + Đó là hình ảnh thực trong thực cuộc chiến khốc liệt
 - + Những chiến xe biến dạng mà vẫn kiên cường.
- Hình ảnh người lính Trường Sơn hào hùng và lãng mạn.
 - + Yêu đời, yêu cuộc sống, ngang tàng.
 - + Tâm hồn vẫn thơ mộng.
 - + Thái độ bất chấp khó khăn nguy hiểm.
- Tình đồng đội keo sơn và sức mạnh lý tưởng vì miền Nam ruột thịt.
- Nghệ thuật
 - + Giọng thơ mang chất văn xuôi rất gần gũi với lời nói thường ngày.
 - + Hình ảnh chân thực dưới cái nhìn của nhà thơ không tạo cảm giác ghê rợn mà càng làm nổi bật tính cách và tinh thần của người chiến sĩ.
 - + Giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, giàu chất lính

3. Kết bài: (0.5 điểm)

- Khẳng định giá trị nội dung của bài thơ
- Suy nghĩ của em về tác phẩm

Thang điểm:

- Điểm 10: Đáp ứng đầy đủ những yêu cầu nêu trên; tạo được những tình huống hợp lý sâu sắc, diễn đạt trong sáng; bài viết thể hiện được sự sáng tạo, cảm thụ riêng biệt.
- Điểm 8 - 9 : Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu nêu trên; văn viết chưa thật sâu sắc nhưng phải đủ ý; diễn đạt trong sáng.
- Điểm 6 - 7: Cơ bản hiểu yêu cầu của đề, chọn và nêu được một số nguyên nhân , tác hại, đề xuất để làm sáng tỏ vấn đề. Diễn đạt rõ ý.
- Điểm 4 - 5: Cơ bản hiểu yêu cầu của đề, tình huống chưa sâu sắc; còn mắc một vài sai sót nhỏ.
- Điểm 2 - 3: Nội dung sơ sài, ít lý lẽ, dẫn chứng, còn mắc nhiều lỗi diễn đạt.
- Điểm 1: Chưa hiểu đề, nội dung sơ sài hoặc không nêu được ý; diễn đạt yếu; mắc nhiều lỗi ngữ pháp, dùng từ.
- Điểm 0: Sai lạc cả về nội dung và phương pháp.

Người ra đề

Hoàng Dương Hiếu

KHUNG MA TRẬN ĐỀ NGHỊ TUYỂN SINH
NĂM HỌC 2018-2019
MÔN: NGỮ VĂN 9
THỜI GIAN: 120 phút

II. Mục tiêu đề kiểm tra:

Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình Ngữ văn 9 theo 3 nội dung: văn học, tiếng Việt, TLV với mục đích đánh giá năng lực đọc- hiểu văn bản của học sinh thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

III. Hình thức đề kiểm tra:

- Hình thức: tự luận
- Cách tổ chức kiểm tra: cho hs làm bài kiểm tra tự luận trong thời gian 120 phút.

IV. Thiết lập ma trận:

- Liệt kê các chuẩn kiến thức, kỹ năng chương trình môn Ngữ văn 9.
- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra.

Mức độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Thấp	Cao	
1/Phong cách Hồ Chí Minh	- Nhận biết đoạn của văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh” - Nhận biết tác giả.	- Nêu ý nghĩa phong cách sống của Hồ Chí Minh			
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 1 Số điểm: 0.5 Tỷ lệ: 5%	Số câu:1 Số điểm:0.5 Tỷ lệ :5%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu: 1 Số điểm: 1 Tỷ lệ: 10%
2/Tiếng Việt: Liên kết câu, liên kết đoạn	-	- Xác định lỗi sai và giải thích.			
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số ý: 0 Số điểm: 0 Tỷ lệ: 0%	Số ý: 1 Số điểm: 1.0 Tỷ lệ: 10%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:1 Số điểm:1.0 Tỷ lệ: 10%
3/TLV Viết bài văn			- Viết bài văn nghị		

nghị luận			luận đề tài “ Lòng nhân hậu”		
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:1 Số điểm:3 Tỷ lệ :30%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:1 Số điểm:3 Tỷ lệ : 30%
4/ TLV Viết bài văn nghị luận về tác phẩm văn học				Viết nghị luận về bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.	
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:1 Số điểm:5 Tỷ lệ :50%	Số câu:1 Số điểm:5 Tỷ lệ :50%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	Số câu:2 Số điểm:1.5 Tỷ lệ: 15%	Số ý: 1 Số điểm: 0.5 Tỷ lệ: 5%	Số câu:1 Số điểm:3 Tỷ lệ :30%	Số câu:1 Số điểm:5 Tỷ lệ :50%	Số câu:4 Số điểm:10 Tỷ lệ :100%

TRƯỜNG THCS THUẬN GIAO

**ĐỀ THAM KHẢO
ĐỀ 2**

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2018 - 2019

MÔN THI: NGỮ VĂN

Thời gian: 120 phút không kể thời gian phát đề

Câu 1: (1 điểm)

Cho khổ thơ sau:

*“Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc”*

a/ Đoạn văn được trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b/ Em hiểu như thế nào hình ảnh “Mùa xuân nho nhỏ” trong khổ thơ trên?

Câu 2: (1 điểm)

Tìm nghĩa gốc và nghĩa chuyển của những từ in đậm trong những câu thơ sau:

- a. *Đề huề lưng túi gió trăng*
*Sau **chân** theo một vài thằng con con*
(Nguyễn Du – Truyện Kiều)
- b. *Buồn trông nội cỏ rầu rầu*
***Chân** mây mặt đất một màu xanh xanh*
(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

Câu 3: Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về “*Sự tự tin*” của con người trong cuộc sống. (3 điểm)

Câu 4: Phân tích diễn biến tâm lí của nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân. (5 điểm)

HẾT

ĐÁP ÁN ĐỀ THI TUYỂN SINH 10
NĂM HỌC 2018-2019
MÔN: NGỮ VĂN 9
THỜI GIAN: 120 phút

Câu 1:

- a) - Đoạn văn trích từ tác phẩm “Mùa xuân nho nhỏ” (0.25điểm)
- Tác giả Thanh Hải (0.25 điểm)

b) Hình ảnh “Mùa xuân nho nhỏ” là cách nói ẩn dụ đầy sáng tạo của nhà thơ. Mỗi con người đều có thể góp một phần công sức nhỏ bé của mình để tô thêm hương sắc cho quê hương đất nước.

(0.5 điểm)

Câu 2: (1.0 điểm) Mỗi câu đúng 0,5 điểm

- a. Từ “chân” được hiểu theo nghĩa gốc. Là bộ phận cuối cùng của cơ thể người hay động vật, dùng để đi, đứng; được coi là biểu tượng hoặc hoạt động đi lại của con người
- b. Từ “chân” trong câu này được dùng theo phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ. là bộ phận dưới cùng một số vật tiếp giáp, bám chặt vào mặt nền.

Câu 3:

A. Yêu cầu về kỹ năng: (0.5 điểm)

- Học sinh biết viết 1 đoạn văn nghị luận đạo lý theo đúng yêu cầu của đề (khoảng 15- 20 dòng; đoạn văn phải đảm bảo có đủ 3 phần: nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, kết thúc vấn đề; các câu phải đảm bảo tính liên kết)
- Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả. Chữ viết rõ ràng.

B. Yêu cầu về kiến thức: (2.5 điểm)

- Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau
 - Nêu vấn đề: (0.25 điểm) Sự tự tin của con người trong cuộc sống.
 - Triển khai vấn đề:
 - Sự tự tin là tin vào chính mình, vào năng lực của bản thân mình
 - Sự tự tin giúp cho con người ở i tình cờng, nắ m bắ t ư ợ c cơ hợ i cho mình...Ngư ợ c lạ i ngư ở i thiế u tự tin l ngư ở i như thế nư o?
 - Làm thế nào để rèn luyện sự tự tin cho mình
 - Phân biệt tự tin với tự cao, tự đại
 - Sử dụng dẫn chứng để chứng minh.
 - Ngoài sự tự tin con người cần có thái độ cầu tiến, không ngừng học hỏi...
 - Kết thúc vấn đề: (0.25 điểm)
 - Khẳng định lại giá trị của vấn đề
 - Nêu suy nghĩ , hành động của bản thân.

Câu 4: (5 điểm)

A. Yêu cầu về kỹ năng:

- Hiểu đúng yêu cầu của đề bài, vận dụng tốt kỹ năng làm bài nghị luận văn học, kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả.

B. Yêu cầu về kiến thức:

Bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản

1. Mở bài: (0.5 điểm)

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Giới thiệu sơ lược về nhân vật ông Hai

2. Thân bài: (4 điểm)

- Tóm tắt sơ lược truyện “Làng”- Kim Lân
- Tình yêu làng của ông Hai
 - + Ông Hai yêu làng thắm thiết đi đâu ông cũng khoe về cái làng của mình.
 - + Ở nơi tản cư ông hai vẫn luôn nhớ về làng của mình, nhớ những ngày tháng sôi nổi ở làng
- Khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc
 - + Tác giả đặt nhân vật vào tình huống gay cấn -> cuộc xung đột nội tâm
 - + Quyết định dứt khoát: làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù -> Tình yêu nước bao trùm tình yêu làng -> Tâm lòng của người dân trong kháng chiến.
- Khi tin đồn được cải chính: Ông vui như mở cờ trong bụng. Ông lại đi khoe về làng của mình.
- Nghệ thuật
 - + Tạo dựng tình huống truyện hợp lý để làm bộc lộ chiều sâu tâm lí nhân vật
 - + Ngôn ngữ nhân vật mang đậm tính khẩu ngữ và lời ăn tiếng nói của người nông dân.

Kết bài: (0.5 điểm)

- Khẳng định giá trị nội dung của truyện
- Suy nghĩ của em

Lưu ý: Mỗi học sinh cần đưa và phân tích dẫn chứng làm sáng tỏ vấn đề.

Thang điểm:

- Điểm 10: Đáp ứng đầy đủ những yêu cầu nêu trên; tạo được những tình huống hợp lý sâu sắc, diễn đạt trong sáng; bài viết thể hiện được sự sáng tạo, cảm thụ riêng biệt.
- Điểm 8 - 9 : Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu nêu trên; văn viết chưa thật sâu sắc nhưng phải đủ ý; diễn đạt trong sáng.
- Điểm 6 - 7: Cơ bản hiểu yêu cầu của đề, chọn và nêu được một số nguyên nhân , tác hại, đề xuất để làm sáng tỏ vấn đề. Diễn đạt rõ ý.

- Điểm 4 - 5: Cơ bản hiểu yêu cầu của đề, tình huống chưa sâu sắc; còn mắc một vài sai sót nhỏ.
- Điểm 2 - 3: Nội dung sơ sài, ít lý lẽ, dẫn chứng, còn mắc nhiều lỗi diễn đạt.
- Điểm 1: Chưa hiểu đề, nội dung sơ sài hoặc không nêu được ý; diễn đạt yếu; mắc nhiều lỗi ngữ pháp, dùng từ.
- Điểm 0: Sai lạc cả về nội dung và phương pháp.

Người ra đề

Bùi Thị Huệ

KHUNG MA TRẬN ĐỀ THI TUYỂN SINH
NĂM HỌC 2018-2019
MÔN: NGỮ VĂN 9
THỜI GIAN: 120 phút

II. Mục tiêu đề kiểm tra:

Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình Ngữ văn 9 theo 3 nội dung: văn học, tiếng Việt, TLV với mục đích đánh giá năng lực đọc - hiểu văn bản của học sinh thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

III. Hình thức đề kiểm tra:

- Hình thức: tự luận
- Cách tổ chức kiểm tra: cho hs làm bài kiểm tra tự luận trong thời gian 120 phút.

IV. Thiết lập ma trận:

- Liệt kê các chuẩn kiến thức, kỹ năng chương trình môn Ngữ văn 9.
- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra.

Mức độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Thấp	Cao	
1/Phong cách Hồ Chí Minh	- Nhận biết đoạn của văn bản “Mùa xuân nho nhỏ” - Nhận biết tác giả.	- Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ			
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu: 1 Số điểm: 0.5 Tỷ lệ: 5%	Số câu:1 Số điểm:0.5 Tỷ lệ :5%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu: 1 Số điểm: 1 Tỷ lệ: 10%
2/Tiếng Việt: Hiện tượng chuyển nghĩa của từ	-	- Xác định nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa			
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số ý: 0 Số điểm: 0 Tỷ lệ: 0%	Số ý: 2 Số điểm: 1.0 Tỷ lệ: 10%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:2 Số điểm:1.0 Tỷ lệ: 10%
3/TLV Viết bài văn			- Viết bài văn nghị		

nghị luận			luận đề tài “Sự tự tin”		
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:1 Số điểm:3 Tỷ lệ :30%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:1 Số điểm:3 Tỷ lệ : 30%
4/ TLV Viết bài văn nghị luận về tác phẩm văn học				Viết nghị luận về nhân vật ông Hai trong truyện “Làng” Kim Lân	
Số câu Số điểm Tỷ lệ %	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:0 Số điểm:0 Tỷ lệ :0%	Số câu:1 Số điểm:5 Tỷ lệ :50%	Số câu:1 Số điểm:5 Tỷ lệ :50%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	Số câu:2 Số điểm:1.5 Tỷ lệ: 15%	Số ý: 1 Số điểm: 0.5 Tỷ lệ: 5%	Số câu:1 Số điểm:3 Tỷ lệ :30%	Số câu:1 Số điểm:5 Tỷ lệ :50%	Số câu:4 Số điểm:10 Tỷ lệ :100%

Câu 1 (2 điểm): Đoạn kết thúc của một bài thơ có câu:

“Trăng cứ tròn vành...”

- Hãy chép lại chính xác những câu thơ nối tiếp để hoàn thành khổ thơ.
- Khổ thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Tác giả là ai?
- Hình ảnh vàng trăng trong khổ thơ này có ý nghĩa gì?
- Từ đó, em hiểu gì về chủ đề của bài thơ?

Câu 2 (1 điểm): Xác định và nêu rõ tên thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn thoại sau:

“Có người khẽ nói:

- Bẩm, dễ có khi đê vỡ!

Ngài cau mặt, gắt rằng:

- Mặc kệ!”

Câu 3 (2 điểm): Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 10- 15 dòng) nêu suy nghĩ của em về đức tính “trung thực”.

Câu 4 (5 điểm): Hãy phân tích nhân vật Phương Định trong tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2018- 2019**

Môn thi: Ngữ văn

Thời gian: 120 phút

Câu 1 (2 điểm):

a. Chép chính xác 3 câu thơ tiếp theo : (0.5 điểm)

“...Kẻ chi người vô tình
Ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình.”

b. Tên bài thơ: Ánh trăng, tác giả: Nguyễn Duy. (0.5 điểm)

c. Giải thích được vàng trăng trong khổ thơ:

Tăng tượng trưng cho quá khứ nguyên vẹn chẳng thể phai mờ, là người bạn nghĩa tình, thủy chung mà nghiêm khắc, như lời cảnh tỉnh nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi người chúng ta. (0.5 điểm)

d. Từ đó, ta hiểu được chủ đề của bài thơ:

Bài thơ là tiếng lòng là những suy ngẫm thấm thía nhắc nhở ta về thái độ tình cảm đối với những năm tháng quá khứ gian lao nghĩa tình. Cùng cố cho ta lối sống “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. (0.5 điểm)

Câu 2 (1 điểm):

- Thành phần gọi đáp: “Bẩm” (0.5 điểm)
- Thành phần tình thái: “Có khi” (0.5 điểm)

Câu 3 (2 điểm):

a. Yêu cầu về kĩ năng :

- Bài làm phải có bố cục đúng hình thức đoạn văn
- Kết cấu chặt chẽ, luận điểm rõ ràng, luận cứ tiêu biểu, lập luận thuyết phục; hạn chế lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức :

Học sinh có thể tổ chức bài làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được những ý cơ bản sau :

1. **Giải thích: (0.5 điểm)** “Trung thực”: luôn tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý, lẽ sống ngay thẳng, thật thà dũng cảm nhận lỗi khi mắc khuyết điểm.

Dẫn chứng: Trong nhà trường, gia đình, xã hội, ... (Bác Hồ dạy: Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm).

2. **Nhận định, đánh giá: (1.0 điểm)**

- Trung thực là đức tính quý giá và cần thiết.
- Sống trung thực giúp: mọi người tin yêu, kính trọng, ...

Dẫn chứng:

- Trên báo thường ca ngợi những tấm gương người tốt, việc tốt: nhật của rơi trả lại người mất,...
- Người trung thực tạo được uy tín cá nhân, làm cơ sở dẫn đến quan hệ khác lâu bền hơn trong giao tiếp cũng như trong công việc làm ăn.
- Dẫn chứng câu nói hay ca dao, tục ngữ: “Nhất sự bất tín vạn lần bất tin” hay “Ăn mặn nói ngay còn hơn ăn chay nói dối”.

3. Phê phán: (0.25 điểm)

- Những người gian dối, lọc lừa, xảo trá... -> bị người khác khinh thường, khinh chê.
- Trong công, học tập,... (phải trung thực với bản thân-> người khác).

4. Nhận thức và hành động: cần thể hiện tính trung thực trong mọi hoàn cảnh nhưng phải tùy hoàn cảnh,... **(0.25 điểm)**

Câu 4 (5 điểm): Gợi ý

Mở bài: (0.5 điểm)

- Giới thiệu truyện, giới thiệu chung về nhân vật.
- Giới thiệu nhân vật chính.

Thân bài: Đảm bảo những nội dung: (4.0 điểm)

- Nêu và phân tích các đặc điểm tính cách của Phương Định: hoàn cảnh sống và công việc của nhân vật. **(0.5 điểm)**
- Trước hết là vẻ đẹp của tinh thần dũng cảm, thái độ bình tĩnh, vượt lên mọi nguy hiểm:

(nêu dẫn chứng trong tác phẩm để làm nổi bật ý) **(2.0 điểm)**

*Trong chị luôn thường trực tình cảm đồng chí, đồng đội sâu sắc và nồng ấm. (lo lắng, quan tâm hết lòng với hai đồng đội Nho, chị Thao trong công việc và trong sinh hoạt hằng ngày).

Và ngược lại, chị cũng cần sự cổ vũ và động viên từ các đồng đội.

*Thấy ấm lòng và tự tin hơn khi cảm thấy ánh mắt dõi theo, khích lệ của các anh chiến sĩ pháo binh, rất yêu quý và thầm cảm phục các anh,...

- Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn của nhân vật này với người đọc là tâm hồn trong sáng, mơ mộng và sự hồn nhiên ở chị: **(1.0 điểm)**

*Nêu một vài chi tiết và dẫn chứng trong SGK về đặc trưng về nhân vật này.

ĐÁNH GIÁ NHÂN VẬT: Tác giả khắc họa đậm nét về thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và đề cao vai trò của người phụ nữ. Mở rộng ra, tác giả muốn để lại cho người đọc một bức tranh về con người mà đặc biệt là những cô gái thanh niên xung phong gan dạ phi thường -> họ tiếp nối những người anh hùng trong lịch sử Bà Trưng, bà Triệu, Nguyễn Thị Định... ở nhân vật phần nào đã thể hiện chủ nghĩa anh hùng CM trong thời kì chống Mĩ cứu nước của dân tộc. **(0.5 điểm)**

Kết bài: (0.5 điểm) Nhận xét về ngòi bút của tác giả trong việc miêu tả thế giới nội tâm nhân vật. Qua nhân vật, chúng ta hiểu như thế nào về thế hệ trẻ VN những năm tháng hào hùng ấy? Đó là những con người:

“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước

Mà lòng phơi phới dậy tương lai” (Tố Hữu- Nước non ngàn dặm).

*** Yêu cầu chung:**

- Bài làm có đủ bố cục ba phần của bài văn nghị luận.
- Nội dung đủ các ý trên với yêu cầu của đáp án
- Diễn đạt mạch lạc, đầy đủ luận điểm, luận cứ làm sáng tỏ những phẩm chất đáng quý của nhân vật Phương Định.

*** Yêu cầu biểu điểm:**

- Mức tối đa (5 điểm): viết phân tích đủ các ý trên có dẫn chứng chi tiết cụ thể, diễn đạt mạch lạc bố cục đoạn văn rõ ràng. Trình bày sạch đẹp.
- Mức chưa tối đa 1 (3 -> 4.5 điểm): phân tích đủ 2/3 các ý trên có dẫn chứng nhưng diễn đạt còn lủng củng, còn mắc ít lỗi diễn đạt.
- Mức chưa tối đa 2 (1.5 -> 2.5 điểm): có dẫn chứng nhưng ít, phân tích 1/2 các ý trên, diễn đạt còn sơ sài, sai nhiều lỗi chính tả.
- Mức không đạt (0 điểm): phân tích sai ý hoặc không làm bài.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2018- 2019
Môn: Ngữ văn
Thời gian: 120 phút

A. MỤC TIÊU:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng ở phần Tiếng Việt; Văn bản; Tập làm văn
- Đánh giá năng lực biết – hiểu – vận dụng thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

B. HÌNH THỨC: Tự luận

C. THIẾT LẬP MA TRẬN:

Cấp độ Chủ đề	NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG		CỘNG
			CẤP ĐỘ THẤP	CẤP ĐỘ CAO	
	TL	TL	TL	TL	
1/ Văn bản	Nhận biết khổ thơ, tên tác giả, tác phẩm.	Hiểu ý nghĩa nội dung của khổ thơ, chủ đề của bài thơ			
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	2 ý của 1 câu 1 điểm 10%	2 ý của 1 câu 1 điểm 10%			4 ý của 1 câu 2 điểm 20%
2/Tiếng Việt		Hiểu, xác định được các thành phần biệt lập			
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:		1 câu 1 điểm 10 %			1 câu 1 điểm 10%
3/ Tập làm văn			Tạo lập được đoạn văn nghị luận phân tích về 1 hiện tượng trong đời sống XH	Tạo lập được văn bản nghị luận phân tích về nội dung, nghệ thuật của 1 tác phẩm VH	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:			1 câu 2 điểm 20%	1 câu 5 điểm 50%	2 câu 7 điểm 70%
Tổng: Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	2 ý của 1 câu 1 điểm 10 %	2 câu và 2 ý 2 điểm 20%	1 câu 2 điểm 20%	1 câu 5 điểm 50%	4 câu 10 điểm 100%

Câu hỏi 1: (2 Điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu của đề:

“Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:
“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố
Mày có biết thư chứ kẻo này, kẻo nọ,
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên”

- a) Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Nêu tên tác giả.
- b) Tìm và xác định lời dẫn trực tiếp trong đoạn thơ trên và nêu khái niệm cách dẫn ấy.
- c) Nhân vật người bà trong đoạn thơ trên đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Lý giải về việc không tuân thủ phương châm hội thoại đó.
- d) Nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong đoạn thơ trên

Câu hỏi 2: (1 Điểm)

Tìm nghĩa tường minh và hàm ý của câu in đậm trong đoạn văn sau:

“Bác sĩ cầm mạch, căn môi, nhìn ông già giọng phàn nàn:

- **Chậm quá. Đến bây giờ mới tới”**

Câu hỏi 3: (2 Điểm)

Viết bài văn nghị luận ngắn khoảng 15->20 dòng trình bày suy nghĩ của em về bệnh vô cảm trong đời sống xã hội hiện nay.

Câu hỏi 4: (5 điểm)

Phân tích những đặc sắc trong bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn phương.

HƯỚNG DẪN CHẤM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2018- 2019

Môn thi: Ngữ văn
Thời gian: 120 phút

*** Lưu ý chung:**

- Giáo viên cần nghiên cứu kĩ hướng dẫn chấm, thống nhất phân chia thang điểm trong từng nội dung một cách cụ thể.

- Trong quá trình chấm, cần tôn trọng tính sáng tạo của học sinh. Chấp nhận cách diễn đạt, thể hiện khác với đáp án mà vẫn đảm bảo nội dung theo chuẩn kiến thức kĩ năng và năng lực, phẩm chất người học.

PHẦN VĂN – TIẾNG VIỆT: 5,0 điểm		
Câu	Nội dung	Điểm
1	a. Đoạn thơ trích từ tác phẩm “Bếp lửa” của Bằng Việt	0.5
	b. - Xác định: “ Bỏ ở chiến khu, bỏ còn việc bỏ Mày có biết thư chớ kẻ này, kẻ nọ, Cứ bảo nhà vẫn được bình yên”	0.25
	- Khái niệm: Dẫn trực tiếp tức là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.	0.25
	c. - Phương châm hội thoại đã vi phạm: phương châm về chất.	0.25
	- Sự không tuân thủ ấy thể hiện mục đích khác: Bà không muốn cháu thông báo cho bố mẹ biết những khó khăn ở nhà, để bố mẹ yên tâm công tác	0.25
2	d. Cần nêu được những cảm nhận về hình ảnh người bà trong đoạn thơ, có thể xoay quanh các ý: - Nỗi vất vả của bà - Người bà giàu tình yêu thương, giàu đức hy sinh	0.5
	- Xét về nghĩa tường minh thì bác sĩ bảo người bệnh đến chậm trễ về mặt thời gian	0.5
	- Nghĩa hàm ý chỉ bệnh tình quá nặng, bác sĩ khó có thể cứu chữa được.	
3	PHẦN TẬP LÀM VĂN Suy nghĩ của em về bệnh vô cảm trong đời sống xã hội hiện nay. a. Yêu cầu về kĩ năng :	

	Biết vận dụng kĩ năng nghị luận chứng minh để làm sáng tỏ quan niệm. Kết cấu chặt chẽ, luận điểm rõ ràng, luận cứ tiêu biểu, lập luận thuyết phục. b. Yêu cầu về kiến thức : Học sinh bài làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được những ý cơ bản sau I. Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận Xã hội bên cạnh những người sống tốt, biết nghĩ đến người khác, vẫn còn có những kẻ vô cảm trước những buồn vui, đau khổ hay khó khăn... của cộng đồng → Đó là thực trạng mà mỗi người chúng ta cần suy nghĩ II. Thân bài: 1. Giải thích đề: Bệnh vô cảm là gì? Là trạng thái cảm xúc và thái độ ý thức của một người hay một nhóm người được thể hiện ở: sự thờ ơ, dửng dưng, không biết quan tâm đến chính mình và người khác và những gì diễn ra xung quanh mình 2. Thực trạng và nguyên nhân của căn bệnh vô cảm (phân tích và chứng minh): - Bệnh vô cảm có mặt và chung sống với con người từ rất lâu và đang ngày càng có sức lây lan rộng lớn trên quy mô toàn xã hội. - Nó xuất hiện ở mọi lứa tuổi; mọi nơi (từ bản thân từng người đến gia đình, nhà trường, xã hội...) (d/c) 3. Tác hại (Bình luận): - Với cá nhân từng người: Bệnh vô cảm làm chai sạn trái tim của con người (không biết buồn, vui hạnh phúc hay đau khổ trước những thành công hay thất bại... của bản thân) -> Không còn long tự trọng - Với gia đình, xã hội: Nó làm suy thoái đạo đức của cá nhân hay một tập thể -> đẩy đất nước đến sự tụt hậu. (Thậm chí, sự vô cảm còn dẫn đến chết người (d/c)...)	0.25 0.25 0.75 0.5
--	---	--

	4. Giải pháp khắc phục: - Với mỗi người - Với gia đình III. Kết bài: Khẳng định lại tính đúng đắn của quan niệm.(liên hệ bản thân)	0.25 0.25
4	Phân tích những đặc sắc trong bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương. I/ MB: Giới thiệu bài thơ “Viếng lăng Bác” và tác giả Viễn Phương. Qua đó giới thiệu giá trị đặc sắc của bài thơ. II/ TB: Bài thơ là mạch cảm xúc của tác giả lần đầu ra viếng lăng Bác: 1. Khổ thơ 1: Cảm xúc nhà thơ khi đến trước cảnh vật lăng Bác - “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”: Đại từ xưng hô: “con-Bác”: thân mật, tôn kính, gần gũi - Ba câu thơ tiếp: + “Bát ngát”, “xanh xanh”, “Ôi! ”: Từ láy, câu đặc biệt bộc lộ cảm xúc hàng tre được trồng nhiều quanh lăng Bác + Hình ảnh hàng tre xanh (ẩn dụ): hình ảnh của dân tộc, thành ngữ “bão táp mưa sa” được vận dụng tạo hiệu quả nghệ thuật => Tre là hình ảnh tượng trưng cho sự kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt trước mọi khó khăn gian khổ 2. Khổ thơ thứ 2: Cảm xúc của nhà thơ khi hòa cùng dòng người xếp hàng vào lăng - “Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng - Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ” + Điệp từ “ngày ngày”: sự việc diễn ra thường xuyên + Ẩn dụ “mặt trời trong lăng rất đỏ”: ví Bác như mặt trời, ca ngợi sự vĩ đại của Bác - Hai câu thơ tiếp: Hình ảnh “dòng người” và ẩn dụ “kết tràng hoa dâng”, hoán dụ “bảy mươi chín mùa xuân”: thiêng liêng, thành kính, biết ơn của mỗi con người Việt Nam dâng lên Bác, mỗi tuổi đời của Bác là một mùa	0.5 1.0 1.0

	xuân tươi đẹp cống hiến cho Tổ quốc 3. Khổ thứ 3: Cảm xúc của nhà thơ khi ở trong lăng Bác - “Bác nằm trong giấc ngủ bình yên Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền” + Nói giảm nói tránh “giấc ngủ bình yên”: giảm nhẹ nỗi đau thực tế + Hình ảnh “Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền”: Bác vĩ đại nhưng cũng thật gần gũi, giản dị đặc biệt với tình yêu thiên nhiên tha thiết - Hai câu thơ tiếp: Hình ảnh ẩn dụ “Trời xanh là mãi mãi”: sự bất tử của Bác đã hóa thân vào thiên nhiên đất nước nhưng tác giả vẫn “nghe nhói trong tim” trước nỗi đau, nỗi mất mát quá lớn của dân tộc không gì bồi đắp được 4. Khổ thứ 4: Cảm xúc của nhà thơ khi chuẩn bị rời lăng - “Mai về miền Nam thương trào nước mắt”: niềm lưu luyến, tiếc thương vô hạn của nhà thơ đối với Bác - Điệp ngữ “muốn làm”: nhấn mạnh ước nguyện chân thành tha thiết • “Con chim hót”: góp vui quanh lăng Bác • “Đóa hoa”: góp sắc, tỏa hương quanh lăng Bác • “Cây tre trung hiếu”: ẩn dụ là đứa con trung hiếu ở mãi bên người cha già kính yêu, là sự trung với dân hiếu với nước theo con đường cách mạng mà Bác Hồ soi sáng III/ KB: Đánh giá lại nội dung nghệ thuật: - Giọng thơ trang nghiêm, thành kính thiết tha, lời thơ cô đọng giàu hình ảnh liên tưởng, ẩn dụ, cô đúc, sâu sắc biểu cảm - Thể hiện lòng thành kính của nhà thơ và nhân dân đối với Bác Hồ kính yêu - Liên hệ tình cảm bản thân với Bác * Yêu cầu chung: - Bài làm có đủ bố cục ba phần.	1.0 1.0 0.5
--	---	----------------------------------

- Nội dung đủ với yêu cầu đề về những nét đặc của nội dung và nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ

*** Hướng dẫn chấm điểm:**

- **Mức tối đa (5 điểm):** Bài làm đáp ứng đầy đủ nội dung yêu cầu, bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc, đầy đủ, hợp lí, sắp xếp phù hợp. Trình bày sạch đẹp.

- **Mức chưa tối đa 1 (3 -> 4.5 điểm):** Bài làm cơ bản đáp ứng 2/3 các yêu cầu trên nhưng đảm bảo đủ các ý về nội dung nghệ thuật của phần thân bài, trình bày rõ ràng.

- **Mức chưa tối đa 2 (1.5 -> 2.5 điểm):** Bài viết đáp ứng 1/2 nội dung yêu cầu. Mắc một số lỗi diễn đạt.

- **Điểm 1:** Bài viết sơ sài, đáp ứng dưới 1/2 nội dung yêu cầu, chưa nắm được rõ cách làm,

- **Mức không đạt (0 điểm):** không dẫn được khổ thơ, phân tích sai ý hoặc không làm bài.

TRƯỜNG THCS TRỊNH HOÀI ĐỨC
TỔ CM: NGŨ VĂN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2018- 2019

Môn: Ngữ văn

Thời gian: 120 phút

A. MỤC TIÊU:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng ở phần Tiếng Việt; Văn bản; Tập làm văn
- Đánh giá năng lực biết – hiểu – vận dụng thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

B. HÌNH THỨC: Tự luận

C. THIẾT LẬP MA TRẬN:

Cấp độ Chủ đề	NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG		CỘNG
			CẤP ĐỘ THẤP	CẤP ĐỘ CAO	
	TL	TL	TL	TL	
1/ Văn bản	Nhận biết tên tác giả, tác phẩm.	Hiểu ý nghĩa nội dung của khổ thơ			
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	1 ý của 1 câu 0.5 điểm 5 %	1 ý của 1 câu 0.5 điểm 5%			2 ý của 1 câu 1 điểm 10%
2/Tiếng Việt	Ghi nhớ khái niệm dẫn trực tiếp	Hiểu, xác định được lời dẫn và phương châm hội thoại, nghĩa tường minh và hàm ý			
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	1 ý của 1 câu 0.5 điểm 5 %	1 câu và 1 ý 1.5 điểm 15 %			1 câu 1 điểm 20%
3/ Tập làm văn			Tạo lập được đoạn văn nghị luận phân tích về 1 hiện tượng trong đời sống XH	Tạo lập được văn bản nghị luận phân tích về nội dung, nghệ thuật của 1 tác phẩm VH	
Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:			1 câu 2 điểm 20%	1 câu 5 điểm 50%	2 câu 7 điểm 70%
Tổng: Số câu: Số điểm: Tỉ lệ:	1 ý của 1 câu 0.5 điểm 5 %	1 câu và 1 ý 1.5 điểm 15 %	1 câu 2 điểm 20%	1 câu 5 điểm 50%	4 câu 10 điểm 100%

Câu 1.(2,0 điểm)

“ – Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.”

a) Đoạn văn trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b) Vật được nhân vật tôi hứa trao giúp là cái gì? Vật đó được trao cho ai?

c) Kì vật này có ý nghĩa gì?

Câu 2. (1,0 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi dưới đây:

“Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hạng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm đỏ của chiếc đèn xanh trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.”

Hãy cho biết mỗi nhóm từ sau đây được sử dụng trong đoạn văn trên thuộc phép liên kết nào ?

-Tiếng còi, đoàn tàu, toa, đèn, cửa kính, đường sắt.

- Đèn sáng trưng, đêm tối.

Câu 3. (2 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 15 dòng) nêu suy nghĩ của em về câu nói: “ Mọi thứ trên đời đều có thể mất đi, duy chỉ có tình yêu thương là mãi mãi”.

Câu 4 . (5,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau đây trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải để thấy những ước nguyện chân thành và tha thiết của tác giả.

“...Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc...”

(Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải – Ngữ văn 9, tập 2)

.....

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1. (2,0 điểm)

Cần nêu được các ý cơ bản sau:

- a) - Đoạn văn nằm trong tác phẩm Chiếc lược ngà.(0,25 điểm)
 - Tác giả là Nguyễn Quang Sáng . (0,25 điểm)
- b) - Vật được nhân vật tôi hứa trao giúp là chiếc lược ngà.(0,25 điểm)
 - Vật đó được trao cho bé Thu. (0,25 điểm)
- c) Chiếc lược ngà là biểu hiện cụ thể của tình yêu thương, nỗi nhớ mong của ông Sáu với con và nó trở thành kỉ vật thiêng liêng, thành biểu tượng của tình cha con sâu nặng. (1,0 điểm)

Câu 2. (1,0 điểm)

Gọi đúng tên phép liên kết

- Nhóm 1: Phép liên tưởng : 0,5 điểm
- Nhóm 2: Phép trái nghĩa : 0,5 điểm

Câu 3. (2 điểm)

a/ Yêu cầu về kỹ năng:

- Biết cách viết một đoạn văn nghị luận xã hội theo đúng yêu cầu đề (khoảng 15 dòng; đoạn văn có đủ ba phần : nêu vấn đề, triển khai vấn đề , kết thúc vấn đề; các câu đảm bảo tính liên kết)
- Diễn đạt lưu loát , không mắc lỗi dùng từ , đặt câu, lỗi chính tả. Chữ viết rõ ràng .

b/Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt nhiều cách khác nhau nhưng bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

- Nêu vấn đề: (0,5 điểm)
 - Tình yêu thương là tình cảm thiêng liêng nhất của con người.
 - Trích câu nói : “Mọi thứ trên đời đều có thể mất đi , duy chỉ có tình yêu thương là mãi mãi”.
- Triển khai vấn đề: (1,0 điểm)
 - Mọi thứ rồi sẽ qua đi , chỉ có tình yêu thương ở lại. Tình yêu thương là tình cảm quý giá nhất ở trên đời. Đó chính là sự tự nguyện chăm sóc, là sự hi sinh , chia sẻ và quan tâm đến nhau bằng con tim chân thành.
 - Tình yêu thương chính là hơi ấm toả ra từ những biểu hiện tốt đẹp sẽ lan toả vào trái tim của mỗi con người, tạo cho con người niềm tin và sức mạnh tinh thần...(dẫn chứng).
 - Con người không thể sống mà không có tình yêu thương. Vì vậy hãy biết cho và nhận tình yêu thương.
 - Phê phán những lối sống ích kỉ không biết yêu thương
- Kết thúc vấn đề : (0,5 điểm)
 - Khẳng định chân lí cuối cùng trên cõi đời này vẫn là tình yêu thương . Đó là tình cảm quý giá nhất trên đời.
 - Liên hệ bản thân

Câu 4 (5,0 điểm)

a) **Yêu cầu về kỹ năng:** Hiểu đúng yêu cầu của đề bài và vận dụng tốt kỹ năng làm bài nghị luận văn học, kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đoạn lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu chính tả.

b) **Yêu cầu về kiến thức:**

Bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản:

1) Mở bài: (0,5 đ)

- Giới thiệu tác giả, hoàn cảnh ra đời của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”
- Từ cảm xúc về mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước, nhà thơ bày tỏ những ước nguyện chân thành và tha thiết của bản thân.
- Giới thiệu đoạn trích.

2) Thân bài:

a) Nhà thơ bày tỏ khát vọng sống có ích, cống hiến cho cuộc đời: (2đ)

- Điệp ngữ “Ta làm” nhấn mạnh sự tự nguyện của nhà thơ
- Hình ảnh đẹp: muốn làm “con chim hót”, “cành hoa”, “nốt nhạc trầm” để đem thanh sắc góp cho đời => ẩn dụ => thể hiện ước nguyện hoá thân sống có ích, cống hiến cho đất nước, cho cuộc đời.

b) Khát vọng dâng hiến cả cuộc đời của nhà thơ: (2.0 đ)

- Nhà thơ khao khát sống đẹp, nguyện làm trọn vẹn một “Mùa xuân nho nhỏ”, hoà vào mùa xuân bao la vô hạn của cuộc đời, của dân tộc, sống đẹp góp phần làm cho đời đẹp.
- Khát vọng dâng hiến trọn vẹn: điệp ngữ “dù là”, “tuổi hai mươi....khi tóc bạc”, “lặng lẽ dâng cho đời” => Tâm nguyện dâng hiến cho cả cuộc đời, một sự dâng hiến đầy trân trọng nhưng lặng lẽ không phô trương.
⇒ Lẽ sống cao đẹp của một con người chân chính, đầy trách nhiệm và tâm huyết.

3) Kết bài: (0,5 đ)

- Khái quát giá trị nghệ thuật (thể thơ, âm điệu, hình ảnh thơ, biện pháp tu từ, ...)
- Khái quát giá trị nội dung (liên hệ lại với hoàn cảnh sáng tác bài thơ để đánh giá vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ)
- Nêu suy nghĩ tình cảm của bản thân.

.....

BGH kí duyệt

Người ra đề

Đoàn Minh Hoàng

Trịnh Thị Lý

I.MỤC TIÊU

Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình Ngữ văn 9 theo 3 phân môn Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức kiểm tra tự luận. Trọng tâm là các bài học: Viếng lăng Bác; Các thành phần biệt lập; Nghị luận về một tư tưởng đạo lý; Nghị luận về một đoạn thơ. bài thơ.

II.HÌNH THỨC

- Hình thức: Tự luận
- Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm bài kiểm tra tự luận trong 120 phút.

III.MA TRẬN

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
1.Văn bản Chiếc lược ngà	Câu 1a Điểm: 0,5 Câu 1b Điểm: 0,5	Câu 1c Điểm : 1			3 2,0 20%
2.Tiếng Việt Liên kết câu và liên kết đoạn	Câu 2 Điểm: 1				1 1,0 10%
3.Tập làm văn -Nghị luận xã hội -Nghị luận đoạn thơ,bài thơ			Câu 3 Điểm : 2	Câu 4 Điểm: 5	2 7,0 70%
Tổng số câu Tổng số điểm Tổng %	3 2,0 20%	1 1,0 10%	1 2,0 20%	1 5,0 50%	6 10 100%

Câu 1(2.0 điểm):

Chi tiết **Chiếc lược ngà** có ý nghĩa như thế nào trong truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Quang Sáng?

Câu 2(3đ): Đọc kỹ câu chuyện sau:

Cách đây hai năm, chàng thanh niên Ra-pha-en-đơ Rốt-sin, người được thừa hưởng một trong những gia tài kếch xù nhất thế giới, đã gục chết trên một vỉa hè ở Niu Ooc vì “chơi” bạch phiến^(*) quá liều, năm đó Ra-pha-en mới 23 tuổi.

Cái chết của chàng tử phú trẻ này đã làm không ít các bậc cha mẹ tử phú khác lo lắng: làm sao để con cái họ đừng hư đi vì số tài sản khổng lồ không do chính chúng tạo dựng.

(Báo Sài Gòn tiếp thị, số 15, 2002). Ghi chú: (*) Bạch phiến: hê-rô-in

Nếu được trao đổi với “các bậc cha mẹ tử phú” về vấn đề “*làm sao để con cái họ đừng hư đi vì số tài sản khổng lồ không do chính chúng tạo dựng*” bằng một bài văn ngắn thì em sẽ viết những gì?

Câu 3(5đ): Phân tích khổ thơ sau:

Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.

(Nói với con – Y Phương. Ngữ văn 9, tập 2).

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1. (2,0 điểm): Chi tiết “chiếc lược ngà” (cũng được lấy làm tên truyện) có một ý nghĩa quan trọng trong tác phẩm:

- Chiếc lược ngà không chỉ là một lời hứa với con mà quan trọng nó là cầu nối đã nối kết hai cha con ông Sáu và bé Thu trong sự xa cách của hai người, và cả sau khi ông Sáu đã hi sinh (1.0 điểm).
- Chiếc lược ngà là biểu hiện cụ thể của tình yêu thương, nỗi nhớ mong của ông Sáu với con và nó trở thành kỉ vật thiêng liêng, thành biểu tượng của tình cha con sâu nặng - là chi tiết nòng cốt bộc lộ chủ đề tác phẩm: tình cha con sâu nặng trong cảnh ngộ chiến tranh (1.0 điểm).

Câu 2(3đ):

- Trên cơ sở nội dung và mối liên hệ của các sự việc và yêu cầu của đề, thí sinh cần xác định được nội dung bài trao đổi thực chất là một bài văn nghị luận. Vấn đề nghị luận là tập trung làm sáng tỏ nội dung “làm sao để con cái họ đừng hư đi vì số tài sản khổng lồ không do chính chúng tạo dựng”.

- Hệ thống luận điểm, luận cứ có thể rất phong phú và đa dạng miễn sao bám sát vấn đề nghị luận. Sau đây chỉ là một số gợi ý:

+ Chăm lo cho tương lai của con là trách nhiệm của bậc làm cha, làm mẹ. Mỗi người sẽ có một cách thức, một con đường đi khác nhau nhưng đều hướng con mình tới một tương lai tốt đẹp. (0.5 điểm)

+ Phải hiểu rõ rằng việc lo cho tương lai con cái không chỉ đơn thuần là để lại nhiều tài sản mà quan trọng hơn là việc giúp cho con có tri thức, giáo dục cho con về cách sống, cách tạo dựng tương lai. (0.5 điểm)

+ Khi có tài sản để lại cho con, phải giúp con hiểu được ý nghĩa của số tài sản mà bản thân đang được thừa hưởng và xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc phát huy vai trò của số tài sản đó trong quá trình tạo dựng tương lai. (0.5 điểm)

+ Phải giúp con biết quý trọng đồng tiền, biết cách chi tiêu hợp lý và rèn lối sống lành mạnh... (0.5 điểm)

+ Mở rộng vấn đề (từ phạm vi gia đình đến phạm vi xã hội). (0.5 điểm)

+ Tự rút ra phương châm hành động của bản thân. (0.5 điểm)

Câu 3(5đ)

Yêu cầu về kĩ năng: Hiểu đúng yêu cầu của đề bài và vận dụng tốt kĩ năng làm bài nghị luận văn học, kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng, diễn đoạn lưu loát, không mắc lỗi dùng từ, đặt câu chính tả.

a) Yêu cầu về kiến thức:

Bài làm cần đảm bảo các ý cơ bản:

A. Mở bài (0,5 điểm)

-Y Phương là nhà thơ dân tộc Tày. Ông viết ít nhưng lại gây tiếng vang lớn trong làng thơ Việt Nam.

-Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.

-Bài thơ Nói với con được viết vào năm 1980, khẳng định giá trị của gia đình, quê hương, đất nước với mỗi con người.

B. Thân bài (4 điểm)

- Khái quát bài thơ và khổ thơ thứ hai(0.5 điểm)

- Phân tích nội dung khổ thơ (3.5 điểm)

+ Người cha vẫn tiếp tục nói với con về người đồng mình trong niềm yêu thương và tự hào, từ đó bày tỏ mong muốn của cha với đứa con thân yêu (Chép 3 câu thơ)

+ Chí khí của người đồng mình: dù sống vất vả, nghèo đói, lam lũ cực nhọc nhưng họ có chí lớn luôn yêu quý tự hào gắn bó với quê hương.

+“ Sống trên đá,sống trong thung” là cách nói bằng hình ảnh.Đó là địa bàn sinh sống của người dân tộc.

+ Điệp ngữ “không chê” ẩn chứa lời khẳng định tha thiết mà nghiêm khắc của cha. Dù quê hương nhỏ bé, khó khăn, dù cuộc sống có vất vả nhọc nhằn thì con vẫn phải yêu thương và chung thủy với quê hương

+Người đồng mình sống khoáng đạt, hồn nhiên, mạnh mẽ “ như sông như suối/lên thác xuống ghềnh/ không lo cực nhọc.

->Lời cha nói với con cũng là lời dạy con về bài học đạo lí làm người, về những phẩm chất đáng tự hào của người đồng mình.

+Những câu thơ tiếp theo là lời khẳng định với con:(4 câu tiếp)

+“Thô sơ da thịt” là hình ảnh của bản chất hiền hậu, chất phác, mộc mạc trong lối sống, trong suy nghĩ và giao tiếp của người đồng mình.

+“Nhỏ bé” có thể hiểu là sự kém cỏi về trí tuệ, nghị lực, ý chí....Nhưng người đồng mình không như vậy. Dù đang phải sống trên đá, sống trong thung, cuộc sống còn nhiều khó khăn thiếu thốn nhưng họ là những con người giàu ý chí, mạnh mẽ, phóng khoáng không kém cỏi, không nhỏ bé so với các dân tộc khác.

+Hai câu thơ mang hai tầng ý nghĩa: thực và ẩn dụ. “đục đá” là hoạt động có thật, là công việc lao động vất vả, nhọc nhằn của người miền núi.

→người đồng mình đã góp phần nâng cao tầm vóc quê hương, tạo dựng truyền thống và tập tục tốt đẹp. Họ thật sự chẳng bao giờ là người nhỏ bé.

-Bốn câu cuối là lời gửi gắm, lời khuyên nhủ đến con.(4 câu cuối)

+Câu thơ ngắn gọn, giọng thơ vừa ngọt ngào, vừa nghiêm khắc, chân tình.

→ lời của cha vừa toát lên tình cảm yêu thương trìu mến và niềm tin với con vừa truyền cho con niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ và truyền thống tốt đẹp của quê hương, mong con dũng cảm, tự tin khi hòa nhập với đời.

C.Kết bài (0.5 điểm)

*Nghệ thuật: Thể thơ tự do vừa tha thiết trìu mến vừa nghiêm khắc chân tình.

-Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa khái quát độc đáo.

*Nội dung:

-Từ lời người cha nói với con mở ra một ý nghĩa chung cho mọi người: vấn đề đạo lí, lẽ sống.

-Lời người cha như lời gửi trao thế hệ. Cùng suy nghĩ và gắng sống đẹp như lối sống và tâm hồn người đồng mình, như mong muốn của người cha trong bài thơ./.

Tổ trưởng

BGH kí duyệt

Người ra đề

Trịnh Thị Lý

Đoàn Minh Hoàng

Nguyễn Thị Bình

PHÒNG GD VÀ ĐT THỊ XÃ THUẬN AN **ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT**
TRƯỜNG THCS TÂN THỚI **NĂM HỌC 2018 – 2019**

Môn thi : NGŨ VĂN

Thời gian : 120 phút

(Không kê thời gian phát đề)

I.MỤC TIÊU

Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình Ngữ văn 9 theo 3 phân môn Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức kiểm tra tự luận. Trọng tâm là các bài học: Chiếc lược ngà; Nghị luận về một tư tưởng đạo lý; Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

II.HÌNH THỨC

-Hình thức: Tự luận

-Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm bài kiểm tra tự luận trong 120 phút.

III.MA TRẬN

Cấp độ Nhận biết Thông hiểu Vận dụng Cộng					
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề					
1.Văn bản Chiếc lược ngà		Câu 1 Điểm : 2			1 2,0 20%
2.Tiếng Việt					
3.Tập làm văn -Nghị luận tư tưởng đạo lí -Nghị luận đoạn thơ,bài thơ			Câu 2 Điểm : 3	Câu 3 Điểm: 5	2 8,0 80%
Tổng số câu Tổng số điểm Tổng %		1 2,0 20%	1 3,0 30%	1 5,0 50%	3 10 100%

